

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

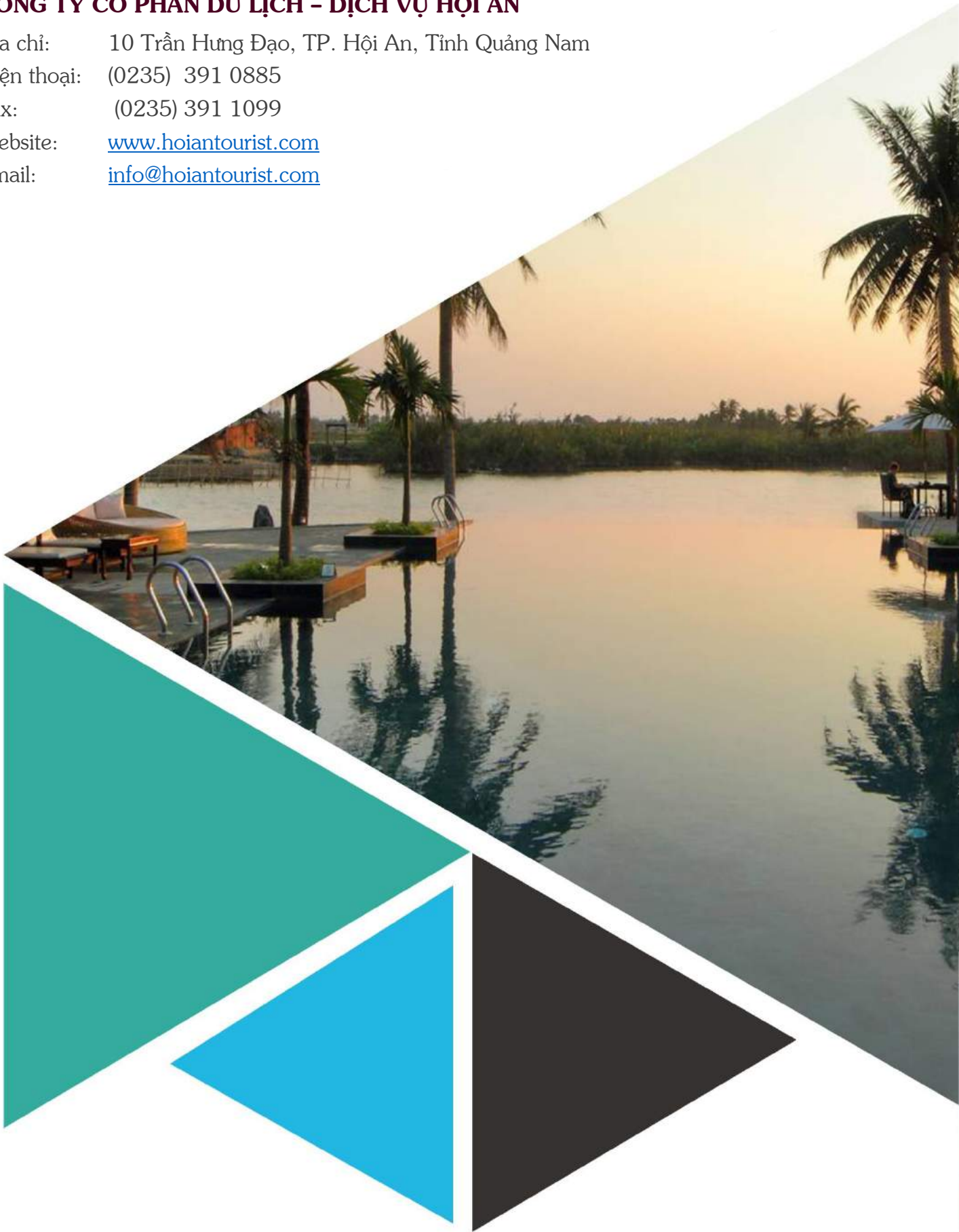
Địa chỉ: 10 Trần Hưng Đạo, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: (0235) 391 0885

Fax: (0235) 391 1099

Website: www.hoiantourist.com

Email: info@hoiantourist.com



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2017**



HỘI AN
TOURIST HOLDING COMPANY

01

THÔNG TIN CHUNG

21

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**

43

**BÁO CÁO
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

MỤC LỤC

**BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

61

QUẢN TRỊ CÔNG TY

73

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2017**

85



THÔNG TIN CHUNG





Với mục tiêu không ngừng phát triển để xứng đáng với "Vị thế người dẫn đầu" về dịch vụ du lịch tại miền trung Việt Nam, chúng tôi còn hướng tới là người dẫn đầu về dịch vụ du lịch Việt Nam trong thời điểm đang hội nhập với thế giới.

Để làm được điều đó Công ty Cổ phần Du Lịch – Dịch Vụ Hội An sẽ đầu tư và phát triển nhiều sản phẩm về Du Lịch trên khắp Việt Nam trong tương lai gần. Trong đó sẽ tập trung nhân lực và tài chính để phát triển tổng lực từ nhiều hướng kinh doanh như kinh doanh tài chính ngân hàng, đầu tư các khu vui chơi giải trí, khu du lịch sinh thái, sân golf tiêu chuẩn quốc tế và khu nghỉ dưỡng cao cấp...



Thông tin khái quát

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN
Tên giao dịch	HOI AN TOURIST SERVICE CO.
Giấy CNĐKDN số	số 4000102418 thay đổi lần thứ 07 vào ngày 23 tháng 09 năm 2014
Vốn điều lệ	80.000.000.000 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	110.616.896.542
Địa chỉ	10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Số điện thoại	(0235) 3861248- 3910885
Số fax	(0235) 391 1099
Website	www.hoiantourist.com
Email	info@hoiantourist.com
Mã cổ phiếu	HOT



Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân

Tiền thân là Công ty Ăn uống Dịch vụ Hội An.

10/04/1990, Công ty Dịch Vụ - Du Lịch Hội An được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Ăn uống - Dịch vụ và Công ty Dịch vụ - Du Lịch.

Năm 1992 đến năm 2006

9/10/1992, UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ban hành quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước. Công ty đổi tên thành Công ty Du Lịch - Dịch Vụ Hội An và trực thuộc UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. 01/10/2006, Công ty Du Lịch - Dịch Vụ Hội An, chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, tên gọi được đổi thành Công ty Cổ Phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An.

Năm 2011

Ngày 21/7 CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An chính thức trở thành thành viên chính thức của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HOT.

Năm 2012

Năm đầu tiên có tỷ trọng bán hàng qua mạng tại Khách sạn Hội An tăng gần 22% so với năm 2011 và là năm Công ty đạt được nhiều giải thưởng lớn như: giải thưởng "Gold Circle Awards 2012" của Agoda, Hoi An Hotel và Hoi An Beach Resort nhận chứng nhận "Certificate of Excellence 2012" của Tripadvisor, Hoi An Beach Resort đạt top 10 Khách sạn hàng đầu Việt Nam.





Năm 2013

Là năm Công ty tập trung công tác cải tạo nâng cấp toàn Khu Du lịch Biển nâng chất lượng cơ sở vật chất tương xứng Resort 05 sao và một số khu Khách sạn Hội An. Cũng là năm Công ty nhận được nhiều giải thưởng lớn như: Bảng Vàng Doanh nghiệp Văn Hóa - UNESCO Việt Nam do Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam đã trao tặng, “Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013” do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và Báo Đầu Tư trao tặng, TripAdvisor trao giải "Khách sạn xuất sắc" năm 2013 cho 2 khách sạn Hội An Beach Resort và Hội An Hotel đều của CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.



Năm 2014

Doanh thu XN Giặt đạt 8,88 tỷ đồng, tăng 23,64% so cùng kỳ và bằng 104,47% so kế hoạch đề ra. Đây là chi nhánh duy nhất trong toàn Công ty hoàn thành kế hoạch năm 2014, do triển khai việc điều chuyển nguồn điện năng sang nhiệt năng cho các máy móc thiết bị tại XN Giặt Hội An nhằm tiết kiệm chi phí điện và đưa vào hoạt động ổn định.

Năm 2015

Công ty đã thành lập chi nhánh mới: Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An – Khách sạn ven sông Bàn Thạch và tiến hành khởi công xây dựng dự án Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh tại xã Thôn Hạ Thanh – Xã Tam Thanh – TP Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam.

Năm 2016

Tháng 6/2016, Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh chính thức đi vào hoạt động.

Năm 2017

Tháng 02/2017, chính thức chấm dứt hoạt động kinh doanh Chi nhánh Công ty CP Du lịch - Dịch vụ Hội An Khách sạn ven sông Bàn Thạch.





Các giải thưởng tiêu biểu

1994-2004

Khách Sạn Hội An đạt danh hiệu “10 Khách Sạn hàng đầu của Việt Nam” do Hiệp Hội Du Lịch Việt Nam và Tổng Cục Du Lịch Việt Nam bình chọn.

1999

Chủ tịch nước tặng Huân Chương Lao Động Hạng III.

2004

Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng II.

2005

Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

2008

Giải thưởng Nhân Ái Việt Nam.

2010

- Chủ tịch nước tặng Huân Chương Lao Động Hạng I;
- Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen nhiều năm liền hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước;
- Nhiều năm liền được Thời Báo Kinh Tế Việt Nam bình chọn: Best Hotel Service in Hoi An.

2011

- Khu du lịch Biển Hội An đạt top 10 Khách sạn hàng đầu Việt Nam;
- Khu du lịch Biển Hội An đạt giải Khách sạn chất lượng tốt của mạng Booking.com;
- Khách sạn Hội An nhận giải thưởng "Gold Circle Awards 2011" của Agoda.

2012

- Khách sạn Hội An nhận giải thưởng “Golden Circle Awards 2012” – Giải thưởng vàng thường niên năm 2012 của Agoda;
- Khu du lịch Biển Hội An đạt top 10 Khách sạn hàng đầu Việt Nam;
- Khách sạn Hội An và Khu du lịch Biển Hội An nhận chứng nhận "Certificate of Excellence 2012" của Tripadvisor;
- Đạt 3 và 4 bông sen theo tiêu chí nhân du lịch bền vững “Bông sen xanh”.



<p>2013</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Liên Hiệp Các Hội UNESCO Việt Nam trao tặng bằng vàng "Doanh Nghiệp Văn Hóa 2013" - Đơn vị điển hình về thực hiện trách nhiệm Xã Hội & phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam; - Hoi An Hotel và Hoi An Beach Resort nhận chứng nhận "Certificate of Excellence 2013" của Tripadvisor; - Đạt giải thưởng hiệu uy tín năm 2013; - Hoi An Hotel và Hoi An Beach Resort nhận giải thưởng "guest review score" của Booking.com; - Hoi An Beach Resort được cấp chứng nhận Nhân du lịch bền vững Bông Sen Xanh – cấp độ 4 và Hoi An hotel cũng được cấp chứng nhận này ở cấp độ 3 do Tổng Cục Du Lịch Việt Nam cấp. - DN niêm yết có hoạt động IR tốt trong năm 2013 do VietStock.vn khảo sát (Top 29 DN); - "Báo cáo thường Niên tốt nhất năm 2013" do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và Báo Đầu Tư trao tặng.
<p>2014</p>	<ul style="list-style-type: none"> - "Doanh nghiệp tiêu biểu tỉnh Quảng Nam lần thứ 2 năm 2014" do Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam trao tặng; - "Thương hiệu Á Đông năm 2014" do Diễn đàn truyền thông quốc tế trao tặng; - "Gold Circle Awards 2014" của Agoda trao tặng Hội An Beach Resort.
<p>2015</p>	<ul style="list-style-type: none"> - "Gold Circle Awards 2015" do Agoda trao tặng Hội An Hotel; - Hoi An Hotel nhận chứng nhận "Certificate of Excellence 2015" của Expedia; - Hoi An Beach Resort nhận giải thưởng "khi nghỉ dưỡng sang trọng của năm 2015 do tạp chí Luxury Travel Guide của nước Anh trao tặng; - Công ty Cổ phần Du lịch- Dịch vụ Hội An được nhận giải Sao Vàng Đất Việt do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt nam trao tặng.
<p>2016</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khách sạn Hội An được Tổng cục Du lịch và Hiệp hội Du lịch Việt Nam bình chọn và trao giải thưởng Topten khách sạn 4 sao hàng đầu Việt Nam năm 2016 - Ngày 29/10/2016, Công Ty cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An vinh dự được trao giải thưởng "Thương hiệu hàng đầu – Top Brands 2016" do Viện nghiên cứu kinh tế, Trung tâm nghiên cứu Người tiêu dùng Việt Nam, tổ chức Global GTA – Vương quốc Anh phối hợp xét duyệt và trao tặng, dưới sự giám sát chất lượng của tổ chức InterConformity – Đức.
<p>2017</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thêm một lần nữa, khách sạn Hội An tiếp tục được Tổng Cục Du lịch và Hiệp Hội Du lịch Việt Nam bình chọn và trao giải thưởng Topten khách sạn 4 sao hàng đầu Việt Nam năm 2017. - Tháng 5/2017, Công ty được Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng nam trao tặng Cờ dẫn đầu thi đua .





Ngành nghề và địa bàn kinh doanh





Hiện nay Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- Khách sạn;
- Hoạt động các cơ sở thể thao. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển;
- Điều hành tour du lịch. Chi tiết: Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải ven biển bằng ca nô;
- Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý đối ngoại tệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Hoạt động các câu lạc bộ thể thao. Chi tiết: Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sở hữu đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động viễn thông khác (Dịch vụ Internet);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động vui chơi giải trí. Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ..

Địa bàn kinh doanh

- Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - Khách sạn Hội An
- Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - Khu du lịch Biển Hội An
- Chi nhánh CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh
- Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - Trung tâm Lữ hành Hội An
- Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ Hội An – Xí nghiệp Giặt Hội An





Các công ty con, công ty liên kết: Không có



Cơ cấu bộ máy quản lý

BAN KIỂM SOÁT

**VP ĐẠI DIỆN
TP HCM**

**VP ĐẠI DIỆN
HÀ NỘI**

**Phòng Hành chính -
Nhân sự - Tổng hợp**

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Công nghệ thông tin

Phòng Thị trường

Phòng Đầu tư



Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty phấn đấu trở thành một trong năm Công ty du lịch có quy mô lớn, hiệu quả cao tại miền Trung, chiếm thị phần từ 15-20% tại thị trường du lịch Quảng Nam.

Mục tiêu cụ thể

- Về doanh thu bình quân mỗi năm tăng từ 15-18%; doanh thu dịch vụ tăng gấp đôi so với 2010; chuyển biến mạnh cơ cấu dịch vụ theo tỷ trọng lưu trú/ ăn uống/ lữ hành/ dịch vụ khách lần lượt là 52/28/13/07.
- Lợi nhuận tăng mỗi năm bình quân từ 18 – 20%.
- Về nguồn khách phấn đấu tăng từ 5 – 10% các thị trường: thị trường nguồn khách truyền thống, nguồn khách khai thác thị trường mới, tiềm năng, thị trường khách qua mạng, nguồn khách MICE, corporate, khách nội địa... đạt tỷ lệ công suất buồng phòng bình quân 70% hàng năm, giá phòng tăng bình quân hàng năm từ 5 – 10%.



Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh kết hợp với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

- Công ty duy trì và thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, công nhân lao động, nhất là phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,... gắn với việc thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”, “Đảm bảo an ninh trật tự trong doanh nghiệp” ... nhằm góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.
- Duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong doanh nghiệp nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động. Tham gia có hiệu quả các phong trào văn hóa, các hoạt động thể thao do Thành phố, Tỉnh tổ chức.
- Đi đôi với nhiệm vụ kinh doanh, Công ty không ngừng chú trọng đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp và xem đây là một tài sản vô giá của Công ty trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững thông qua các hoạt động như phong trào “Đơn vị có đời sống văn hóa tốt”, phong trào “Xanh, sạch, đẹp” để góp phần giữ gìn môi trường du lịch lành mạnh.
- Tiếp tục duy trì phong trào phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc con cựu thanh niên xung phong nhiễm chất độc da cam; hưởng ứng và tham gia đầy đủ các Quỹ do chính quyền và đoàn thể các cấp phát động; tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện.





Rủi ro

Rủi ro kinh tế

Theo báo cáo kết quả của Tổng cục thống kê, năm 2017 được xem như một năm phát triển “thần kỳ” của nền kinh tế Việt Nam, với việc lần đầu tiên chúng ta hoàn thành toàn diện và vượt mức 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra, trong đó nổi bật nhất là tăng trưởng GDP đạt 6,81%, mức cao nhất trong 10 năm qua và lạm phát được kiểm soát ở mức 3.53%. Đặc biệt, năm 2017 là năm thành công, phát triển ấn tượng của du lịch Việt Nam. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam đã đạt mốc kỷ lục mới, chưa từng có từ trước đến nay.

Sau khi ngành du lịch Việt Nam đã đón 10 triệu lượt khách quốc tế năm 2016, tăng trưởng 26%, thì đến thời điểm này, có thể nói rằng ngành du lịch đã thực hiện được chỉ tiêu mà Thủ tướng Chính phủ đã giao: đón 13 triệu lượt khách quốc tế, tăng 30% và 74 triệu lượt khách du lịch nội địa, tăng xấp xỉ 20% và tổng thu trực tiếp từ khách du lịch đạt trên 500.000 tỷ đồng, tương đương với 23 tỷ USD và đóng góp khoảng 7,5% vào GDP của Việt Nam năm 2017.

Là một Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Du lịch tại Thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam – nơi được tự hào là Di sản văn hóa của nhân loại, liên tục góp mặt trong danh sách 10 thành phố du lịch được ưa thích nhất được bầu chọn bởi tạp chí uy tín hàng đầu Wanderlust. Hội An cũng lần lượt góp mặt vào danh sách 10 thành phố du lịch được bạn bè quốc tế yêu thích nhất, và lọt vào top 25 bãi biển đẹp nhất thế giới với đại diện bãi biển An Bàng. Chính điều này đã tạo điều kiện thuận lợi kết nối phát triển kinh tế, xã hội và đặc biệt là ngành du lịch của tỉnh. Chính vì vậy sự biến động của các yếu tố vĩ mô dù ít hay nhiều cũng tác động đến hoạt động của Công ty. Do vậy, Ban Lãnh đạo Công ty luôn cập nhật thường xuyên và theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, nhằm đảm bảo nhận diện và có những biện pháp ứng phó kịp thời với các rủi ro do tác động từ nền kinh tế.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản là nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của HQT là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



Rủi ro pháp luật

Là một Công ty cổ phần và niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, kinh doanh và giao thương với nước ngoài dưới sự chi phối của pháp luật Việt Nam nên khi có sự điều chỉnh trong quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Du lịch, ... và các quy định khác liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty đều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Với hệ thống luật hiện tại đang dần hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách gây ra ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của công ty. Đặc biệt, khi Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng nên việc áp dụng vào thực tế còn gặp nhiều khó khăn.

Do đó đòi hỏi HQT phải có sự tìm hiểu, nghiên cứu và nhanh chóng chuẩn bị nhằm điều chỉnh các quy chế văn bản nội bộ và cách thức quản trị hợp lý để hướng đến việc phát triển công ty một cách tốt hơn.



Rủi ro

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh phần lớn vì Công ty không dùng ngoại tệ để hạch toán sổ sách kế toán. Tại thời điểm thanh toán, Công ty tiến hành thu và quy đổi theo tỷ giá hạch toán USD/VND, cuối ngày kế toán thanh toán kết số và nộp toàn bộ số ngoại tệ vào ngân hàng theo tỷ giá thực tế. Do đó, chênh lệch tỷ giá được theo dõi và điều chỉnh hàng ngày giúp Công ty hạn chế rủi ro phát sinh. Do đó, Công ty nên theo dõi chênh lệch tỷ giá và điều chỉnh hàng ngày giúp Công ty hạn chế rủi ro phát sinh.

Rủi ro môi trường

Hiện nay vấn đề môi trường đã và đang có tác động rất lớn đối với phát triển kinh tế đất nước, kể cả sự phát triển của ngành du lịch. Ngành du lịch đang chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ sự biến đổi khí hậu, môi trường sinh thái... Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An được phát triển và kinh doanh các loại hình du lịch tại thành phố Hội An – nơi có gần 1.000 di tích nằm trong khu vực phố và nhiều điểm du lịch thu hút đông đảo du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng như: Đảo Cù Lao Chàm, các bãi biển Cửa Đại, An Bàng; Khu di tích lịch sử rừng dừa Bảy Mẫu; du lịch sinh thái làng rau Trà Quế...và là điểm đến lý tưởng cho nhiều du khách trong và ngoài nước. Vì vậy, việc theo dõi tình trạng ô nhiễm và bảo vệ cảnh quan du lịch là việc làm cần thiết nhất hiện nay đối với Công ty. Ban Lãnh đạo Công ty đã nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường đồng thời có các chính sách tuyên dương các cán bộ, nhân viên có tinh thần tự giác, ý thức bảo vệ môi trường và nghiêm khắc xử phạt đối với các cá nhân có hành vi gây ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của Công ty.

Rủi ro về chính sách

Trong vài năm trở lại đây, du lịch Hội An được du khách biết đến như là một trong những điểm đến hấp dẫn nhất miền Trung và cả nước. Con số hơn 3,22 triệu lượt khách đến tham quan lưu trú thành phố năm 2017 là minh chứng cho sức hấp dẫn của thương hiệu du lịch này. Để hướng đến sự phát triển bền vững, Thành phố Hội An đã và đang tập trung vào 5 vấn đề cụ thể. Trước mắt là từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm; thứ hai là tiếp tục đầu tư những sản phẩm mới, trong đó chú trọng các sản phẩm mang tính cộng đồng, trải nghiệm văn hóa sinh thái, nhất là những điểm đến ngoại vi có lợi thế du lịch như các làng nghề, rừng dừa Cẩm Thanh, Cù Lao Chàm, làng rau An Mỹ (Cẩm Châu)... Đặc biệt, sẽ xúc tiến, kêu gọi đầu tư cho những sản phẩm du lịch dịch vụ sông nước như thuyền ăn uống, nhà hàng nổi cũng như phát triển loại hình du lịch lưu trú trên thuyền. Ngoài ra, phát triển các điểm vui chơi giải trí, các khu giải trí đêm để tạo thêm điểm vui chơi cho khách lưu trú. Thứ tư, tiếp tục nâng cao tiện ích lưu trú theo hướng đa dạng, đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng khách từ thu nhập thấp đến thu nhập cao, vì hiện tại thành phố rất thiếu các nhà hàng dành cho đối tượng khách cao cấp. Và cuối cùng là phát triển sản phẩm thủ công mỹ nghệ làm hàng lưu niệm. Phố cổ Hội An sẽ đóng vai trò là trung tâm thu hút khách còn điểm lan tỏa là các vùng ven phục vụ cho đối tượng khách nghỉ dưỡng. Đồng thời sẽ phát huy các mô hình du lịch cộng đồng theo đúng định hướng của thành phố để người dân được hưởng lợi bền vững. Vì vậy, Ban Lãnh đạo Công ty luôn theo dõi và đổi mới thường xuyên dịch vụ cũng như các định hướng phát triển của Công ty để có thể vươn lên dẫn đầu xu thế đổi mới trên địa bàn tỉnh.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một vài rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng nghiêm trọng của những rủi ro này đến quá trình vận hành ổn định trong sản xuất kinh doanh của mình, Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM







Tình hình hoạt động kinh doanh

Số liệu chưa trừ trùng doanh thu, chi phí phục vụ nội bộ

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	TH 2016	KH 2017	TH 2017	So sánh	
				KH 2017	TH 2016
DOANH THU	180.564.165.920	193.754.457.915	191.741.336.805	98.96	106.19
<i>Trong đó: KSHA</i>	<i>72.802.292.569</i>	<i>78.000.000.000</i>	<i>80.008.328.123</i>	<i>102.57</i>	<i>109.90</i>
<i>Khu Du lịch Biển</i>	<i>63.908.059.587</i>	<i>72.100.000.000</i>	<i>69.091.260.205</i>	<i>95.83</i>	<i>108.11</i>
<i>Trung tâm Lễ hành</i>	<i>28.914.341.209</i>	<i>31.957.799.000</i>	<i>31.043.775.965</i>	<i>97.14</i>	<i>107.36</i>
<i>Xí nghiệp Giặt</i>	<i>8.659.375.601</i>	<i>7.200.000.000</i>	<i>6.658.570.885</i>	<i>92.48</i>	<i>76.89</i>
<i>Khu DL Tam Thanh</i>	<i>1.880.300.588</i>	<i>4.496.658.915</i>	<i>4.939.401.627</i>	<i>109.85</i>	<i>262.69</i>
<i>Khách sạn Bàn Thạch</i>	<i>4.399.796.366</i>	-	-	-	-
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	123.492.337.007	128.007.510.035	132.247.632.389	103.31	107.09
<i>Trong đó :</i>					
<i>Khách sạn Hội An</i>	<i>43.098.008.440</i>	<i>46.811.800.000</i>	<i>48.731.220.501</i>	<i>104.10</i>	<i>113.07</i>
<i>Khu Du lịch Biển</i>	<i>41.598.329.396</i>	<i>45.184.407.000</i>	<i>46.215.738.092</i>	<i>102.28</i>	<i>111.10</i>
<i>TTLH</i>	<i>24.031.938.144</i>	<i>26.351.544.120</i>	<i>26.588.208.869</i>	<i>100.90</i>	<i>110.64</i>
<i>Xí nghiệp Giặt</i>	<i>6.088.990.544</i>	<i>5.163.100.000</i>	<i>5.306.264.395</i>	<i>102.77</i>	<i>87.15</i>
<i>Khu DL Tam Thanh</i>	<i>2.655.368.070</i>	<i>4.496.658.915</i>	<i>5.406.200.532</i>	<i>120.23</i>	<i>203.60</i>
<i>Khách sạn Bàn Thạch</i>	<i>6.019.702.413</i>	-	-	-	-
LÃI HOẠT ĐỘNG	57.071.828.913	65.746.947.880	59.493.704.416	90.49	104.24
<i>Trong đó :</i>					
<i>Khách sạn Hội An</i>	<i>29.704.284.129</i>	<i>31.188.200.000</i>	<i>31.277.107.622</i>	<i>100.29</i>	<i>105.29</i>
<i>Khu Du lịch Biển</i>	<i>22.309.730.191</i>	<i>26.915.593.000</i>	<i>22.875.522.113</i>	<i>84.99</i>	<i>102.54</i>
<i>TTLH</i>	<i>4.882.403.065</i>	<i>5.606.254.880</i>	<i>4.455.567.096</i>	<i>79.47</i>	<i>91.26</i>
<i>Xí nghiệp Giặt</i>	<i>2.570.385.057</i>	<i>2.036.900.000</i>	<i>1.352.306.490</i>	<i>66.39</i>	<i>52.61</i>
<i>Khu DL Tam Thanh</i>	<i>-775.067.482</i>	-	<i>-466.798.905</i>	-	<i>60.23</i>
<i>Khách sạn Bàn Thạch</i>	<i>-1.619.906.047</i>	-	-	-	-
CHI PHÍ SAU LÃI HĐ	20.446.724.794	24.630.945.549	22.923.880.255	93.07	112.12
<i>Thuê đất, thuê mb</i>	<i>2.691.317.163</i>	<i>2.735.642.600</i>	<i>2.523.612.182</i>	<i>92.25</i>	<i>93.77</i>
<i>SCL</i>	<i>1.215.712.842</i>	<i>3.893.397.990</i>	<i>1.092.503.406</i>	<i>28.06</i>	<i>89.87</i>
<i>Chi phí quản lý</i>	<i>11.690.174.653</i>	<i>11.209.204.959</i>	<i>11.437.496.022</i>	<i>102.04</i>	<i>97.84</i>
<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>4.849.520.136</i>	<i>6.092.700.000</i>	<i>7.870.268.645</i>	<i>129.18</i>	<i>162.29</i>
<i>Lương dự phòng</i>	-	<i>700.000.000</i>	-	-	-
Lãi trước KH và Lãi vay	36.625.104.119	41.116.002.331	36.569.824.161	88.94	99.85
<i>Chi phí kh và PBDH</i>	<i>22.700.391.684</i>	<i>19.297.519.704</i>	<i>19.447.000.444</i>	<i>100.77</i>	<i>85.67</i>

Chi phí trừ dần CCDC (TT)	-	899.832.000	1.040.594.057	115.64	-
Chi phí setup dự án TT (PB)	-	482.519.482	224.823.353	46.59	-
THU NHẬP TÀI CHÍNH	-626.551.261	-1.270.000.000	-812.720.240	63.99	129.71
Doanh thu	77.563.793	80.000.000	318.261.971	397.83	410.32
Chi phí	704.115.054	1.350.000.000	1.130.982.211	83.78	160.62
<i>Trong đó: Lãi vay</i>	<i>634.227.044</i>	<i>1.350.000.000</i>	<i>1.080.832.160</i>	<i>80.06</i>	<i>170.42</i>
THU NHẬP KHÁC	139.917.240	300.000.000	522.367.420	174.12	373.34
LÃI TRƯỚC THUẾ	13.438.078.414	19.466.131.145	15.567.053.487	79.97	115.84
% lãi trên doanh thu	7.44	10.05	8.12	80.81	109.09

Nhận xét

Khách sạn Hội An và Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh là hai Chi nhánh hoạt động hoàn thành kế hoạch đặt ra và vượt mức các chỉ tiêu tài chính của năm 2016. Cụ thể, Doanh thu của Khách sạn Hội An năm 2017 đạt 80,008 tỷ đồng, tăng 9,9% so cùng kỳ năm trước và vượt 2,57% so kế hoạch được giao. Về Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh, tuy chỉ mới đưa vào hoạt động hơn một năm nhưng đến nay tình hình kinh doanh đang dần tiến triển tốt hơn với Doanh thu đạt 4,94 tỷ đồng, đồng thời cũng vượt 9,85% so kế hoạch đặt ra. Chi phí hoạt động được kiểm soát và tăng cường tiết kiệm. Chi phí trừ dần công cụ dụng cụ tại Chi nhánh đã bắt đầu giảm nên hiệu quả kinh doanh tăng trưởng tốt, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt 8,12%, vượt 9,09% kế hoạch giao.

Sau nhiều năm tình trạng xâm thực nặng ở bờ biển Cửa Đại khiến cho sạt lở đất tại bãi biển du lịch, cuối năm 2017 bờ biển Cửa Đại lại tiếp tục bị ảnh hưởng đợt xâm thực mới do ảnh hưởng của bão số 12 cộng với triều cường kèm theo những đợt sóng lớn. Điều này khiến cho doanh thu 2017 của Khu du lịch Biển chỉ đạt 69,091 tỷ đồng và đạt 95,8% kế hoạch được giao. Các chương trình khuyến mãi, các dịch vụ miễn phí cho du khách được các chi nhánh áp dụng nhằm bù đắp những thiệt hại cho sự cố này, cơ sở vật chất xuống cấp... Công ty cũng đang cố gắng ra sức tìm biện pháp để gia cố kè biển nhằm bảo vệ bãi tắm và các cơ sở vật chất tại Khu du lịch Biển.

Do thị phần khách đến từ các hãng lữ hành giảm mạnh nên Phòng thị trường và Chi nhánh tập trung khai thác thị phần khách qua mạng, đây cũng là nguyên nhân làm cho chi phí hoa hồng, chi phí thanh toán thẻ... tăng mạnh so với năm trước. Tất cả các nguyên nhân trên đã làm cho chỉ tiêu lợi nhuận hoạt động của Chi nhánh đạt 97,14% so với kế hoạch.

Xí nghiệp Giặt không đạt kế hoạch, và hoạt động kém hiệu quả hơn so cùng kỳ do mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt nên việc nâng giá bán dịch vụ hoàn toàn không thực hiện được trong khi chi phí đầu vào tăng. Ngày 27/11/2017, HĐQT CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An quyết định tiến hành chấm dứt hoạt động của chi nhánh này để phù hợp với định hướng phát triển mới của Công ty.



Tổ chức và nhân sự

Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Lê Tiến Dũng	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Văn Cư	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng



Ông Lê Tiến Dũng

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán.
- Chứng chỉ đào tạo Giám đốc điều hành
- Chứng chỉ đào tạo Quản trị CTCP Đại chúng.
- Quá trình công tác:
 - 1986-2005: Kế toán trưởng Công ty Ăn uống Dịch vụ Hội An.
 - 2005 - 1/3/2009: Phó Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
 - 1/3/2009 – 11/4/2009: Quyền Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
 - 11/4/2009 – Nay: Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.

Ông Nguyễn Văn Cư

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Chứng chỉ sau đại học do chương trình giảng dạy kinh tế FULBRIGHT.
- Chứng chỉ đào tạo Quản trị CTCP Đại chúng.
- Quá trình công tác:
 - 1993 – Nay: Công tác tại CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Chuyên ngành Tài chính – Tín dụng
- Chứng chỉ đào tạo Giám đốc điều hành
- Chứng chỉ đào tạo Quản trị CTCP Đại chúng.
- Quá trình công tác:
 - 2000-2004: Nhân viên kế toán CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
 - 2004-2005: Phó phòng kế toán CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
 - 2005- Nay: Kế toán trưởng CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán công ty.
 - 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty

Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động

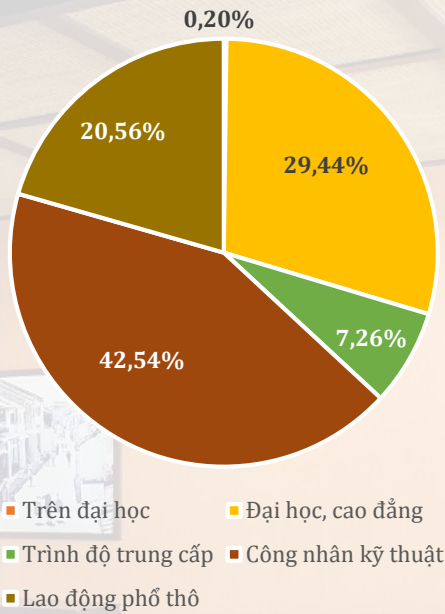
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	496	100,00%
1	Trên đại học	1	0,2%
2	Đại học, cao đẳng	146	29,44%
3	Trình độ trung cấp	36	7,26%
4	Công nhân kỹ thuật	211	42,54%
5	Lao động phổ thông	102	20,56%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	496	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	236	47,58%
2	Hợp đồng thời vụ	18	3,63%
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	242	48,79%
C	Theo giới tính	496	100%
1	Nam	241	48,59%
2	Nữ	255	51,41%

Thu nhập Người lao động

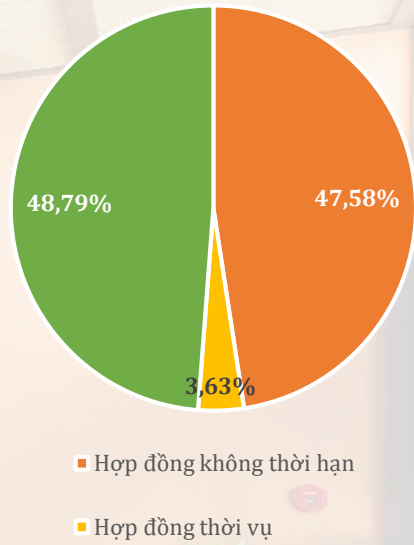
THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)

TT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Mức lương bình quân (triệu đồng/ người /tháng)
1	2014	531	5.025.000
2	2015	612	5.200.000
3	2016	541	5.300.000
4	2017	496	5.856.000

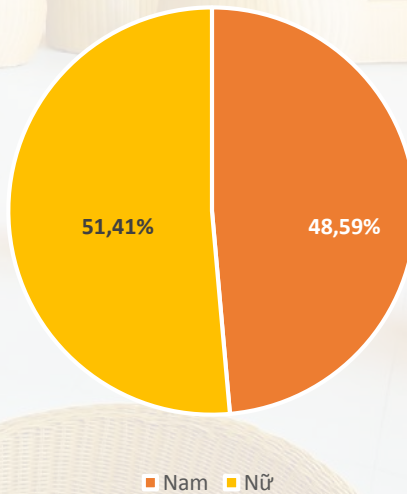
Theo trình độ



Theo tính chất hợp đồng lao động



Theo giới tính





Chính sách đối với người lao động của Công ty

Chính sách về Môi trường công việc

Với chiến lược phát triển hiện nay, Công ty cổ phần Du Lịch - Dịch Vụ Hội An xác định yếu tố "con người" sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của Công ty.

Đi đôi với việc bảo đảm lợi ích các cổ đông thông qua duy trì chính sách cổ tức tốt thì vấn đề người lao động sẽ được Công ty đầu tư đúng mức, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm gắn bó với Công ty, thông qua việc xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp minh bạch rõ ràng, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tôn trọng, kỷ luật nghiêm minh. Trước đây, khu vực riêng dành cho nhân viên như: khu vệ sinh, thay trang phục, phục vụ ăn giữa ca, giặt ủi trang phục... gần như ít được quan tâm.

Từ những năm qua tại mỗi cơ sở kinh doanh, Công ty đã bố trí khu vực riêng biệt, đầu tư tương đối tiện nghi dành cho nhân viên và hỗ trợ suất ăn giữa ca tại chỗ, giặt ủi trang phục cho nhân viên.

Ngoài ra, Công ty sẽ tăng thu nhập cho nhân viên thông qua tăng tỷ lệ trích phí phục vụ, khen thưởng kịp thời cho người lao động có những thành tích xuất sắc; các chế độ chính sách đối với người lao động được thực hiện tốt, như: các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe định kỳ, tham quan, nghỉ dưỡng; tinh thần tương trợ, giúp nhau trong khó khăn, hoạn nạn được phát huy đúng mức, hỗ trợ kịp thời cho người lao động khi có ma chay, hiếu hỉ...

Tuyển chọn các cán bộ năng lực và gửi đi đào tạo trong và ngoài nước nhằm tăng cường cho đội ngũ quản lý Khách sạn của Công ty. Thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Châu Âu (EU), nâng cao tay nghề cho người lao động.



Chính sách Tuyển dụng

Mục tiêu xây dựng Công ty trở thành một thương hiệu mạnh, mang tính chuyên nghiệp cao và toàn cầu với đội ngũ nhân viên tận tâm, nhiệt huyết và đầy năng lực. Vì vậy chính sách tuyển dụng Công ty luôn hướng đến việc đa dạng hóa nguồn ứng viên. Tiêu chí tuyển dụng là sàng lọc và chọn lựa từ các sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, các ứng viên có kỹ năng thích hợp, có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao phù hợp với yêu cầu công việc được giao. Công tác tuyển dụng được xem xét trên quan điểm ưu tiên tạo việc làm cho nguồn lao động tỉnh nhà, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính và tuổi tác.

Hàng năm, vào mùa cao điểm Công ty thường tận dụng nguồn sinh viên thực tập. Qua quá trình áp dụng kiến thức học đường vào thực tế, khả năng vận dụng, sáng tạo, tự chủ trong công việc và kết quả đạt được từ phiếu thăm dò ý kiến khách hàng. Theo đó, dựa trên đề xuất của cán bộ quản lý các bộ phận, Công ty sẽ chọn các sinh viên có năng lực và tuyển dụng theo thứ tự ưu tiên.



Chính sách đào tạo

Công ty đã quy hoạch được đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn và trên cơ sở đó đã xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm để triển khai công tác đào tạo quản lý chuyên môn dưới hình thức đào tạo tại chỗ và gửi đi học trong nước hoặc nước ngoài. Đến nay Công ty đã đào tạo tại chỗ các cán bộ quản lý điều hành các đơn vị cơ sở đủ năng lực đảm đương được hoạt động kinh doanh toàn Công ty. Dự định trong thời gian tới, đội ngũ này sẽ được Công ty đưa đi đào tạo quản lý ở nước ngoài. Trong năm 2017 vừa qua, Công ty đã đào tạo được đội ngũ chuyên môn từ các chức danh là giám sát, trưởng bộ phận, giám đốc bộ phận đủ năng lực để điều hành quản lý công tác chuyên môn trong toàn hệ thống. Đặc biệt Công ty đã đào tạo được đội ngũ cán bộ chuyên môn cho bộ phận Tư vấn quản lý Khách sạn để đảm đương chuyên trách việc duy trì, nâng cao chất lượng, quản lý một cách chuyên nghiệp trong toàn hệ thống.





Chính sách lương thưởng

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2017 là: 5.856.000 đồng/người/tháng, mức thu nhập này là tương đối cao so với mặt bằng thu nhập chung của tỉnh Quảng Nam (theo đánh giá của Hội đồng Nhân dân Tỉnh Quảng Nam hàng năm về thu nhập bình quân của người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam).

Chính sách lương, thưởng được Công ty Hội An quy định cụ thể, rõ ràng trong "Quy chế trả lương, thưởng" và "Thỏa ước lao động tập thể" và phổ biến rộng rãi đến từng người lao động trong Công ty. Cụ thể, tiền lương được phân phối theo lao động dựa trên hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc và trình độ chuyên môn, năng lực công tác, tính chất công việc đảm nhận và năng suất, chất lượng hoàn thành công việc của người lao động. Hàng năm, Công ty luôn trích 7% lợi nhuận sau thuế để khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp vào sự phát triển của Công ty cũng như thực hiện các công trình phúc lợi cho Công ty.



Tình hình hoạt động đầu tư, thực hiện các dự án

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2017, Ban Điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo phòng đầu tư phối hợp cùng các Chi nhánh triển khai kịp thời các hạng mục sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, cũng như mua sắm mới tài sản, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh tại các chi nhánh và Công ty với tổng kinh phí là 2 tỷ 906 triệu đồng. Cụ thể các hạng mục sau:

- Các hạng mục đầu tư dài hạn:
 - Nâng cấp khu 50 phòng thuộc Khu du lịch Biển;
 - Nâng cấp, lắp đặt nội thất khu 12 phòng thuộc Khu du lịch Biển;
- Hệ thống công nghệ thông tin:
 - Hệ thống lưu điện cho phòng server;
 - Nâng cấp hệ thống wifi cho Khu du lịch Biển;
- Mua sắm tài sản cố định: Các trang thiết bị, máy móc tại Khu du lịch Biển và Khách sạn Hội An
- Công tác nâng cấp, cải tạo:
 - Thay cửa chống ồn Khách sạn Hội An;
 - Cải tạo nền, khu WC khu Spa tại Khu du lịch Biển;
 - Sơn vôi, đóng trần tại hội trường lớn Khu du lịch Biển.

Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An đang không ngừng phát triển để xứng đáng với

"Vị thế người dẫn đầu"

về dịch vụ du lịch tại miền Trung Việt Nam





Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/ TH 2016
Tổng tài sản	Triệu đồng	146.935	148.167	
Doanh thu thuần	Triệu đồng	175.171	187.167	6,85%
Chi phí tài chính	Triệu đồng	704	1.127	60,15%
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	10.225	18.619	82,09%
Chi phí quản lý Doanh nghiệp	Triệu đồng	17.688	18.204	2,91%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	13.186	15.058	14,20%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	252	509	102,10%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.438	15.567	15,84%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.614	11.594	9,23%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	1.167	1.348	15,49%
Tỷ lệ cổ tức	%	12,00	13,50	12,5%

Trong năm tài chính qua, Công ty tăng trưởng với Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 187.167 tỷ đồng, tăng 6,85% so với năm 2016; trong khi một số khoản mục phí mang tính cố định như khấu hao, phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí tiền lương nhân viên không giảm, các khoản mục chi phí hoạt động dù được kiểm soát chặt chẽ nhưng cũng tăng hơn so năm trước.

Có thể thấy chi phí bán hàng năm 2017 tăng đột biến so với năm 2016. Nguyên nhân là do những năm trở lại đây, phân khúc thị trường đối với lĩnh vực khách sạn có nhiều biến đổi, xu hướng bán hàng qua các kênh trực tuyến tăng. Từ đó thúc đẩy tỷ lệ bán phòng qua các trang mạng tăng mạnh làm cho chi phí hoa hồng cao, đồng thời Công ty lại phải chịu thêm khoản thuế nhà thầu nộp thay cho các nhà mạng.

Tuy nhiên bên cạnh đó, Khi chi nhánh mới được vận hành đã nhận được nhiều phản hồi tốt từ khách du lịch, dẫn đến tình hình lợi nhuận trước thuế đạt 15,576 tỷ đồng, tăng 14,2% so với năm trước đó; Lợi nhuận sau thuế là 11,594 tỷ đồng, bằng 51,4% so với cùng kỳ. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2017 tăng đến 1.348 đồng, bằng 115,49%, tăng 15,84% so với năm trước. Nhìn chung, có thể thấy, năm 2017 là năm đầy khởi sắc của Công ty.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,71	1,49
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,59	1,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,87	24,65
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	33,10	32,72
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	38,65	42,31
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,20	1,27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,06	6,19
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,66	10,44
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,26	7,86
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,53	8,05

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều lớn hơn 1 trong năm tài chính qua, lần lượt là 1,49 lần và 1,39 lần. nguyên nhân là do trong năm một số tài sản hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 22.612.830.677 đồng đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong năm 2017 cơ cấu vốn của Công ty không thay đổi nhiều, Công ty chủ yếu sử dụng nợ vay để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản là 24,65% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 32,72%, đã giảm nhẹ đi so với năm trước. Trong năm tổng tài sản và vốn chủ sở hữu biến đổi không đáng kể.

Số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản trong năm 2017 có diễn biến cùng chiều. Vòng quay hàng tồn kho năm 2017 đạt mức 42,31 vòng, chủ yếu do trong năm 2017, giá trị hàng tồn kho giảm mạnh gần 19,63% so với cùng kỳ. Xét về chỉ số hiệu suất sử dụng tài sản, tính đến hết 31/12/2017, hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản cũng tăng nhẹ từ 1,20 vòng lên 1,27 vòng, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm doanh thu tăng 6,85% cao hơn nhiều so với mức tăng của tổng tài sản là 0,84%.

Nhờ hiệu quả của chủ trương tiết giảm chi phí nên cả Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế đều tăng so với năm 2016, vì vậy chỉ tiêu đo lường khả năng sinh lời của công ty trong năm 2017 có xu hướng tăng so với năm 2016. Cụ thể, biên lợi nhuận sau thuế năm 2017 tăng lên 6,19%, biên lợi nhuận thuần từ HĐKD tăng từ 7,53% lên 8,05%, ROE và ROA lần lượt tăng lên 10,44% và 7,86%.



Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 8.000.000 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 7.999.937 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 63 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	VP Tỉnh ủy Quảng Nam Do ông Nguyễn Văn Ban là người đại diện phần vốn	4.520.238	56,5
2	CTCP Tập đoàn đầu tư tài chính IPA Do ông Vũ Hiền là người đại diện phần vốn	1.359.475	16,99
3	CTCP Chứng khoán VN Direct Do ông Nguyễn Tổng Sơn là người đại diện phần vốn	964.481	12,06
Tổng cộng		6.844.194	85,55

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ Không có

Các chứng khoán khác Không có



Cơ cấu cổ đông năm 2017 (tính đến ngày 27/02/2018)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	187	7.998.727	79.987.270.000	99,98%
1	Cổ đông nhà nước	1	4.520.238	45.202.380.000	56,50%
2	Cổ đông tổ chức	6	2.724.969	27.249.690.000	34,06%
3	Cổ đông cá nhân	180	753.520	7.535.200.000	9,42%
II	Cổ đông nước ngoài	3	1.210	12.100.000	0,02%
1	Cá nhân	3	1.210	12.100.000	0,02%
2	Tổ chức	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	1	63	630.000	0,00%
	Tổng cộng	191	8.000.000	80.000.000.000	100%



Báo cáo phát triển bền vững

Bảo vệ môi trường là vấn đề mà Công ty luôn quan tâm, vì vậy trong suốt quá trình hoạt động, Công ty cùng các Chi nhánh luôn thực hiện nghiêm túc các vấn đề liên quan đến công tác này. 2 Chi nhánh của Công ty là Khách sạn Hội An và Khu du lịch Biển Hội An đã đạt được nhiều thành tích đáng kể do Chính quyền địa phương và các tổ chức du lịch quốc tế trao tặng. Công tác bảo vệ môi trường được thực hiện thông qua những việc như:

- Chú trọng công tác tiết kiệm điện, nước thông qua việc mua sắm, thay thế và đầu tư trang thiết bị mới có chức năng tiết kiệm cho các Chi nhánh như
 - Lắp đặt đèn compact và sử dụng đèn chiếu sáng T8 để thắp sáng trong phòng và các khu vực;
 - Lắp đặt khóa Salto cắt điện tự động trong phòng khách;
 - Lắp đặt thiết bị vệ sinh ít tiêu hao nước;
 - Từng bước thay thế tủ lạnh đặt phòng ít tiêu hao điện năng...
- Khách sạn Hội An đã đầu tư xây dựng hệ thống nước thải công suất 40m³/ngày bằng phương pháp “ Xử lý sinh học bùn hoạt tính hiếu khí – Bể Aeroten” và tiến hành việc quan trắc định kỳ 2 lần/năm theo đúng quy định. Chất lượng nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn B (QCVN).



Ngoài ra, Khách sạn còn ký hợp đồng hàng năm với Công ty cổ phần Công trình công cộng Hội An để thu gom và đưa đi xử lý toàn bộ chất thải rắn. Quy trình thu gom được thực hiện đúng yêu cầu: chất thải phát sinh được thu gom phân thành 2 loại gồm chất dễ phân hủy và khó phân hủy rồi tập trung về các hố rác trước khi Công ty môi trường đưa đi xử lý. Một số loại rác thải còn giá trị thì tái sử dụng hoặc tái chế để bán cho các đơn vị thu gom nhằm tránh lãng phí nguồn nguyên vật liệu.



- Thực hiện quán triệt người lao động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường. Công ty đã thực hiện các chủ trương như:
 - Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để khắc phục hiện tượng rò rỉ điện;
 - Điều chỉnh nhiệt độ điều hòa ở mức 25^oC và cài đặt mặc định bình nước nóng ở vị trí E (trung bình);
 - Sử dụng các túi dễ phân hủy để thu rác trong phòng khách;
 - Sử dụng giỏ mây đựng quần áo giặt là cho khách sử dụng;
 - Sử dụng chai lớn để đựng mỹ phẩm, dầu gội đầu, xà phòng... nhằm hạn chế thải ra môi trường và giảm chi phí;
 - Sử dụng giấy in 2 mặt;
 - Tận dụng tối đa hàng vải thanh lý để sử dụng cho công việc vệ sinh, bao bì chứa khác...
- Khuyến khích khách lưu trú tham gia thực hiện công tác bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng các tờ rơi kêu gọi khách hàng tham gia bảo vệ môi trường đối với việc thay khăn và tắm trải giường...

Các chất thải nguy hại sau khi thu gom được lưu giữ trong nhà kho chứa chất thải nguy hại riêng đặt ở các vị trí cố định như: Dầu nhớt được đựng trong can không để rò rỉ ra ngoài; giẻ lau được đựng trong bao bì; các loại bóng đèn được đựng trong ngăn lưu giữ tại kho. Định kỳ, lượng rác thải nguy hại này sẽ được Công ty cổ phần Công trình công cộng Hội An thu gom và đưa đi xử lý theo quy định hiện hành.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC







Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	2017/2016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.170.781.593	187.167.240.655	106,85%
Giá vốn hàng bán	133.443.905.594	134.498.900.939	100,79%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.726.875.999	52.668.339.716	126,22%
Doanh thu hoạt động tài chính	77.563.793	341.238.164	439,95%
Chi phí tài chính	704.115.054	1.127.669.515	160,15%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	634.227.044	1.080.832.160	170,42%
Chi phí bán hàng	10.225.218.864	18.619.342.826	182,09%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.688.855.996	18.204.455.434	102,91%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.186.249.878	15.058.110.105	114,20%
Lợi nhuận khác	251.828.536	508.943.382	202,10%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.438.078.414	15.567.053.487	115,84%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.613.708.897	11.593.799.159	109,23%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phần)	1.167	1.348	115,51%



Về tổng quan, năm 2017 thực sự là năm kinh doanh có khả quan của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Du lịch Hội An, các chỉ tiêu lợi nhuận đều đạt cao hơn so với năm trước đó.

Ngoài ra, các chính sách của nước ta được đổi mới góp phần tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp ngành du lịch phát triển hơn, cụ thể: Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 08 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Quốc hội khóa XIV thông qua Luật Du lịch (sửa đổi). Chính phủ cũng thông qua hai chính sách về thị thực đối với người nước ngoài là thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam và tiếp tục gia hạn miễn thị thực cho khách du lịch từ 5 nước Tây Âu (Anh, Pháp, Đức, Italia và Tây Ban Nha), tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của du khách, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng cao lượng khách quốc tế đến Việt Nam.

Năm 2017, lượng khách Quốc tế đến Việt Nam ổn định và tăng trưởng khá, nhu cầu du lịch của khách Việt Nam tăng cao. Hội An vẫn đang là điểm du lịch hấp dẫn du khách bởi sự thân thiện và vẻ đẹp tiềm ẩn. Đây cũng là cơ hội tốt cho hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn nói chung, và hoạt động kinh doanh của công ty nói riêng.

Theo số liệu của Tổng cục Du lịch Việt Nam, lượt khách đến Việt Nam trong năm 2017 là 12.922.151 lượt khách, tăng 2.909.416 lượt khách, tương ứng 29,1 % so năm 2016. Trong đó, nguồn khách đến từ các nước Châu Á vẫn tiếp tục tăng mạnh và chiếm tỷ trọng khá lớn (khoảng 75,6%). Thị trường khách Trung Quốc vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất (31%), tăng so với năm 2016 là 48,7%, tương ứng tăng 1.311.405 lượt khách. Thị trường khách Hàn Quốc cũng tăng khá nhanh (tăng 56,4%, tương ứng 871.362 lượt). Tiếp sau Trung Quốc và Hàn Quốc, khách đến từ các nước châu Á tăng nhanh như: Đài Loan (tăng 21,5%), Hồng Kông (tăng 37,9%).

Tại Báo cáo của Phòng Thương mại Du lịch Hội An cho biết tổng lượt khách đến Hội An trong năm 2017 đạt 2.425.400 lượt, tăng 13,7% so với năm 2016. Trong đó, lượt khách lưu trú tại Hội An là 1.078.200 lượt chiếm 44,5% trong tổng lượt khách đến, tăng 21,7% so với năm 2016. Công suất sử dụng buồng phòng bình quân trên toàn địa bàn là 51%. Ngày khách lưu trú bình quân là 2,1 ngày (tương đương cùng kỳ năm trước). Lượt khách lưu trú tăng trong khi công suất sử dụng phòng và ngày khách lưu trú không tăng là minh chứng cho thấy rằng tốc độ tăng số lượng phòng quá nhanh, không tương xứng với tốc độ tăng về nguồn khách. Cụ thể, đến ngày 31/10/2017, toàn thành phố có 479 cơ sở lưu trú đang hoạt động với 7.878 phòng, tăng 20% so cùng kỳ. Tổng số cơ sở lưu trú của toàn thành phố đã được UBND thành phố cấp phép nhưng chưa hoạt động là 363 cơ sở, với 5.334 phòng. Mức độ tăng trưởng khá nhanh của các cơ sở lưu trú tại Hội An và Đà Nẵng cũng là thách thức lớn đối với Công ty.



Tình trạng sạt lở tại bãi biển Cửa Đại vẫn tiếp diễn và ngày càng nghiêm trọng, nhất là sau mỗi mùa mưa bão. Chính quyền thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, và cả Trung ương đã vào cuộc triển khai các giải pháp cứu bãi biển khỏi nguy cơ bị xoá sổ. Thế nhưng cho đến nay vẫn chưa có giải pháp nào hiệu quả. Tháng 3/2017, cùng với hiện tượng cát bồi trở lại, Công ty đã nhanh chóng triển khai hạng mục đổ cát, làm mái kè, tạo cảnh quang bãi tắm để phục vụ khách lưu trú với tổng số tiền: 276.427.595 đồng. Tuy nhiên, đến tháng 10/2017, ngay khi mới bắt đầu mùa mưa bão, và nhất là sau cơn bão số 12, sóng biển xâm thực quá lớn, biển tiếp tục sạt lở. Xâm thực sâu vào đất liền và kéo dài thêm về phía Bắc, toàn bộ các hạng mục thảm cỏ, cây xanh, quầy bar đều bị sóng cuốn trôi. Tình trạng này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Khu du lịch Biển Hội An.

Ngay từ đầu năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt chủ trương giao cho Hội đồng quản trị lập phương án tái cấu trúc hoạt động của các chi nhánh phù hợp với tình hình thị trường, nâng cao năng lực kinh doanh và hiệu quả hoạt động kinh doanh của toàn Công ty. Từ chủ trương này, Hội đồng quản trị đã tạm dừng đầu tư phương tiện vận tải, thiết bị phục vụ kinh doanh cho Trung tâm lễ hành nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dịch vụ và tâm lý người lao động. Việc triển khai các bước khảo sát, tìm kiếm, chọn lựa tập đoàn quản lý khách sạn đang được HĐQT tiến hành trong năm 2017 và những tháng đầu năm 2018 nên kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản hầu như tạm dừng. Thực trạng cơ sở vật chất kỹ thuật tại các Chi nhánh xuống cấp, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải lạc hậu, và luôn trong tình trạng thiếu hụt, không đáp ứng nhu cầu của khách nhất là mùa cao điểm.

Do chính sách thuế của Nhà nước thay đổi, việc ghi nhận doanh thu và chi phí đối với dịch vụ bán phòng qua các kênh bán hàng trực tuyến như : Agoda, Expedia... nên khoản mục chi phí hoa hồng, chi phí thuế nhà thầu tại các khách sạn tăng cao so kế hoạch đề ra, nhất là tại chi nhánh Khu du lịch biển (Do tỷ trọng kênh bán hàng online của chi nhánh này khá cao, chiếm 50%), làm giảm hiệu quả kinh doanh chung của mảng khách sạn.

Hạ môn cờ đầu của
"Ngành công nghiệp không khói"
tỉnh Quảng Nam





Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ 2017/2016
Tài sản ngắn hạn	21.025	42.244	200,92%
Tài sản dài hạn	125.909	105.923	84,13%
Tài sản	146.935	148.167	100,84%

Nhận xét

Về mặt cơ cấu tài sản hầu như không có nhiều biến đổi so với năm 2016, tài sản dài hạn vẫn chiếm phần lớn với tỷ trọng đạt 71,49% tổng tài sản của năm. Về giá trị tài sản, trong năm 2017, tổng tài sản đạt 148.167 triệu đồng, tăng 0,84% so với năm liền trước nguyên nhân đến từ sự gia tăng của tài sản ngắn hạn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền. Trong khi đó tài sản dài hạn giảm khoảng 15,87% đạt mức gần 105 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ 2017/2016
Nợ ngắn hạn	29.539	28.418	96,20%
Nợ dài hạn	7.004	8.106	115,75%
Nợ phải trả	36.543	36.524	99,95%

Nhận xét

Cơ cấu nợ phải trả năm 2017 có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2016. Phần lớn nợ phải trả của Công ty vẫn đến từ nợ ngắn hạn. So với năm liền trước thì mức nợ dài hạn tăng lên còn mức nợ ngắn hạn theo chiều ngược lại. Trong năm 2017, nợ ngắn hạn là 28.418 triệu đồng, chiếm 77,81% tổng nợ phải trả của Công ty. Nguyên nhân là do phát sinh khoản vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương để sử dụng cho dự án đầu tư khu du lịch nghỉ mát Tam Thanh - Thành phố Tam Kỳ, hạn mức tín dụng 15.000.000.000 VND, lãi suất 10,5%/1 năm cho khoản vay phát sinh năm 2016 và lãi suất 9%/năm cho khoản vay phát sinh năm 2017, thời hạn vay là 120 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, toàn bộ công trình xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh (không bao gồm quyền sử dụng đất).



"Cánh chim đầu đàn" của ngành du lịch

Quảng Nam







Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác kế toán, tài chính

- Công khai, minh bạch tình hình tài chính của công ty, thực hiện các quy trình về công bố thông tin đối với công ty niêm yết theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Chú trọng việc kiểm tra, giám sát và sử dụng dòng tiền tại các đơn vị phụ thuộc một cách hiệu quả, đảm bảo giải ngân kịp thời cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và chi trả cổ tức cho cổ đông. Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giảm tối đa số dư nợ phải thu, hạn chế nợ xấu, nợ khó đòi. Duy trì và đảm bảo dòng tiền trong hoạt động kinh doanh của toàn công ty một cách hiệu quả, minh bạch, không có nợ xấu.
- Do công ty chưa có bộ phận kiểm soát nội bộ nên thông qua công tác giám sát tài chính tại các chi nhánh, việc kiểm tra nội bộ được chú trọng và thực hiện thường xuyên. Thông qua công tác kiểm tra phát hiện và điều chỉnh kịp thời những các sai sót trong quá trình tổ chức công tác kế toán, quản lý tài chính tại các chi nhánh và cũng như giám sát việc thực hiện các Quy chế hiện hành của công ty tại chi nhánh.

Công tác quan hệ cổ đông

- Công ty luôn chú trọng đến lợi ích của cổ đông nên các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, tình hình tài chính luôn được công ty thực hiện công bố thông tin trên trang web chính thức của công ty cũng như trang web của Ủy ban Chứng khoán theo đúng quy định nhằm cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin và tình hình hoạt động của Công ty đến các cổ đông. Trong năm 2017 Công ty cũng đã tiến hành tuyển dụng vị trí Thư ký công ty đồng thời triển khai nâng cấp các hệ thống thông tin nhằm tăng cường hoạt động của Bộ phận quan hệ cổ đông, giúp các cổ đông tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng và chính xác nhất.
- Thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng thời gian như thông báo. Các Báo cáo quản trị định kỳ, Báo cáo thường niên, và các Báo cáo về tình hình cổ đông được lập và công bố thông tin đúng thời gian và đầy đủ nội dung.

Công tác đầu tư

- Khách sạn Hội An:
 - Trong năm 2017, tại KSHA chỉ sửa chữa một hạng mục nhỏ; đó là thay cửa chống ồn với tổng giá trị là: 75.761.954 đồng.
 - Về phần mua sắm TSCĐ: mua máy rửa ly với giá trị là 59.400.000 đồng.
- Khu Du lịch hiện Hội An:
 - Tập trung vào cải tạo lại khu 50 phòng bao gồm thay mái ngói nhà 14 phòng, xử lý chống ẩm tường hành lang, thay cửa euro window và làm phòng mẫu cho nhà 12 phòng với tổng kinh phí là 1.170.234.724 đồng.
 - Mua sắm bồn tắm và cải tạo lại khu spa với tổng kinh phí là: 395.806.812 đồng.
 - Sửa chữa sơn vôi và đóng lại trần hội trường lớn với tổng giá trị là: 108.669.000 đồng.
- Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh:
 - Hạng mục nói rộng sảnh nhà hàng tầng 2 với tổng giá trị thực hiện là: 353.929.000 đồng nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho nhà hàng Tam Thanh.
- Dự án xây dựng Khách sạn tại Xí nghiệp giặt:
 - Lập các thủ tục trình HĐQT và xin phép TP. Hội An xây dựng khách sạn tại Xí nghiệp Giặt.
 - Lập dự toán đầu tư sơ bộ, phương án kinh doanh;
- Thanh lý tài sản tại Xí nghiệp Giặt:
 - Phối hợp với đơn vị thẩm định giá và bán thanh lý tài sản tại Xí nghiệp Giặt.
 - Hoàn tất mọi thủ tục và tiến hành bán thanh lý vào tháng 01 năm 2018.

Công tác lao động, tiền lương, đào tạo

- Tổng số lao động toàn Công ty có mặt tại thời điểm 31/12/2017 là 496 người (giảm 45 người so với cùng kỳ). Số lao động tăng trong năm không tính điều chuyển nội bộ là 80 người (tăng 8 người so với cùng kỳ); Số lao động giảm trong năm không tính điều chuyển nội bộ là 125 người (giảm 19 người so với cùng kỳ), trong đó nghỉ hưu trí 02 trường hợp, còn lại 123 trường hợp nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân.
- Các chế độ về tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn 24/24, các chế độ, chính sách khác như thưởng thâm niên, tết lễ, thưởng nhân ngày thành lập công ty, trợ cấp nghỉ việc, trợ cấp lao động nữ nghỉ thai sản, trợ cấp ma chay, hiếu hỉ...được công ty thực hiện đảm bảo đúng quy định quy chế và Thỏa ước lao động tập thể. Thu nhập của người lao động trong năm ổn định, thu nhập bình quân toàn công ty là 5,856 triệu đồng/ người/ tháng, tăng 9% so với cùng kỳ (doanh thu tăng trưởng 6,19% so với cùng kỳ) và bằng 105,9% so với kế hoạch.
- Công tác đào tạo luôn được công ty chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ. Trong năm qua, Công ty đã hợp tác với Trường Cao Đẳng Nghề Việt Úc Đà Nẵng tổ chức đào tạo cấp chứng chỉ nghề cho 60 lao động chưa có bằng nghiệp vụ; Hợp tác với Công ty Quản lý Du lịch Cao cấp Châu Á tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng giám sát và quản lý cho 25 thành viên là đội ngũ trưởng bộ phận và cán bộ dự nguồn toàn công ty; Tổ chức đào tạo tiếng Anh chuyên ngành cho hơn 250 nhân viên.



Doanh thu

197,177 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

20,700 tỷ đồng



Kế hoạch năm 2018

EPS

1.906 đồng/cp

Lợi nhuận sau thuế

16,394 tỷ đồng





Năm 2017 là một năm được đánh giá là thành công của du lịch Việt Nam, nó tiếp nối thành công của năm 2016 và phát triển với những kết quả khả quan hơn. Có thể thấy, kết quả đạt được của năm 2017 bắt nguồn từ những chủ trương, chính sách quan trọng, nhất là Nghị quyết Trung ương 08 của Bộ Chính Trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Theo dự báo, năm 2018, Du lịch Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng. Việt Nam nói chung, Hội An nói riêng vẫn là điểm đến hấp dẫn của du khách nhất là du khách Châu Á. Năm 2018, theo Tổng cục Du lịch, du lịch Việt Nam dự kiến đón 15,5 đến 16 triệu lượt khách quốc tế, trong đó, thị phần khách đến từ các nước Châu Á vẫn tiếp tục tăng.

Tỉnh Quảng nam và thành phố Hội An đã và đang triển khai các chính sách ưu đãi nhằm tạo động lực để thu hút vốn đầu tư cho các dự án phát triển du lịch mang tầm quốc tế; cơ sở hạ tầng và các dịch vụ ngày càng được chú trọng đầu tư. Đây là dấu hiệu thuận lợi để thúc đẩy Du lịch tỉnh Quảng Nam phát triển.

Thành phố Hội An đã cấp phép cho nhiều dự án xây dựng cơ sở lưu trú dự kiến đưa vào khai thác trong năm 2018, đồng thời đang tiếp tục khuyến khích đầu tư cơ sở lưu trú tại các vùng ven đô thị. Tại Đà Nẵng, sau sự kiện APEC 2017, số cơ sở lưu trú tăng nhanh và hiện nay vẫn còn đang tiếp tục đầu tư và đưa vào sử dụng năm 2018. Tháng 2/2018, thành phố Đà Nẵng công bố Đề án tập trung phát triển mạnh lĩnh vực dịch vụ, nâng cấp chất lượng và hình thành sản phẩm du lịch như du lịch sinh thái, làng quê, đường sông.

Với dự báo nguồn khách và các yếu tố trên, năm 2018, việc triển khai kế hoạch kinh doanh của công ty tương đối thuận lợi, nhất là tại Chi nhánh Khách sạn Hội An. Tuy nhiên, cũng là các dự án kinh doanh khách sạn, các tổ hợp du lịch dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác trong năm 2018 dự báo mức độ cạnh tranh, chia sẻ thị phần khá khốc liệt nên khả năng tăng giá bán là hoàn toàn không khả thi. Chính vì vậy, việc tăng doanh thu của các khách sạn hầu như chủ yếu tăng công suất sử dụng phòng.



Nhận định về tình hình chung

năm 2018

Nghị định 141/2018/NĐ-CP của Chính phủ về việc tăng mức tối thiểu vùng cùng lộ trình thay đổi mức đóng BHXH của Luật Bảo hiểm xã hội 2014 là áp lực làm tăng chi phí nhân viên cho doanh nghiệp. Chính sách lương cố định nhằm giữ chân người lao động cũng là yếu tố thách thức cho các khách sạn trong điều kiện không đảm bảo chỉ tiêu doanh thu.

Bãi tắm Cửa đại vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục trở lại nên ít nhiều ảnh hưởng đến khách lưu trú tại Chi nhánh Khu du lịch biển Hội An trong mùa hè 2018.

Chi nhánh Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh tiếp tục hoạt động kinh doanh trong điều kiện chỉ mới hoàn tất việc đầu tư giai đoạn I, thị trường chưa được khai thác tốt, cơ sở vật chất chịu tác động của khí hậu và hơi nước biển xuống cấp nhanh nên hiệu quả kinh doanh chưa cao, dự kiến chưa có lãi trong năm 2018.

Định hướng tái cấu trúc hoạt động kinh doanh các chi nhánh trực thuộc được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt, theo đó, năm 2018, Trung tâm lễ hành sẽ được thành lập Công ty cổ phần, Du lịch Hội An không giữ cổ phần chi phối; Các khách sạn trực thuộc được bàn giao cho tập đoàn quản lý triển khai tư vấn, điều chỉnh hệ thống làm tiền đề cho việc chuyển giao thuê thương hiệu, chuyển giao quản lý trong năm 2019. Việc triển khai bán tài sản thanh lý tại chi nhánh Xí nghiệp Giặt vẫn chưa hoàn tất và dự kiến sẽ phát sinh chi phí thiệt hại lớn. Các định hướng trên là cơ hội phát triển tương lai của công ty nhưng là thách thức lớn trong việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh 2018 của toàn công ty.

Giải pháp cơ bản để triển khai KHKD năm 2018

Giải pháp đồng bộ và xuyên suốt

Từng Chi nhánh thường xuyên bám sát kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt, triển khai đồng bộ các biện pháp tăng doanh thu, kiểm soát chi phí, tăng cường công tác tiết kiệm, chú trọng chất lượng dịch vụ, đảm bảo đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận kế hoạch.

Giải pháp về nguồn nhân lực

- Chú trọng đến công tác đào tạo tại chỗ và đào tạo nâng cao cho nhân viên và đội ngũ quản lý, chú trọng đến công tác đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng ứng xử và quy trình phục vụ khách nhằm đáp ứng yêu cầu dịch vụ ngang tầm với tiêu chuẩn.
- Xây dựng cơ chế phân phối lương, thưởng phù hợp nhằm ổn định đời sống người lao động, đồng thời kích thích năng lực và tính sáng tạo trong từng bộ phận.

Giải pháp về chất lượng dịch vụ

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng từng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.
- Nghiên cứu văn hoá du khách các nước Châu Á nói chung và Hàn Quốc nói riêng nhằm khai thác tốt thị phần khách đang được dự báo đến Việt Nam ngày càng tăng, nhất là năm 2018.
- Chú trọng nghiên cứu sản phẩm mới, tạo sự khác biệt trong sản phẩm nhằm tăng giá trị cho khách hàng, tăng năng lực cạnh tranh.

Giải pháp về thị trường

- Tiếp theo xu hướng chuyển dịch cơ cấu khách FIT, cần tập trung toàn lực cho công tác marketing từ online đến truyền thống, đẩy mạnh các chính sách bán hàng trên website khách sạn để giảm phí hoa hồng với các nhà mạng;
- Đẩy mạnh và tìm kiếm lại những series booking đã mất, FIT/GIT bookings bên mảng lữ hành để cân đối với lượng booking online, điều chỉnh tỷ trọng kênh bán hàng theo đúng định hướng kế hoạch;
- Tập trung khai thác thị trường, tăng doanh thu tại Chi nhánh Tam Thanh, phấn đấu doanh thu tăng trưởng, đảm bảo hoà vốn, không lỗ.

Các giải pháp về Marketing

- Tham gia các chương trình triển lãm, hội chợ thương mại trong nước và quốc tế nhằm tìm kiếm thêm khách hàng mới có tiềm năng; duy trì mối quan hệ thường xuyên đối với các công ty truyền thống.
- Tăng cường quảng bá, tiếp thị, nâng cấp Website công ty, hợp tác quảng cáo qua các phương tiện trên Internet, đẩy mạnh khai thác bán hàng qua kênh mobile.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ







Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2016	KẾ HOẠCH 2017	THỰC HIỆN 2017	SO SÁNH	
					SO KH	SO 2016
A	Doanh Thu Toàn Công Ty	176.164.369.554	193.754.457.915	191.741.336.805	98.96	108.84
1	Lĩnh Vực Kinh Doanh Khách Sạn	138.590.652.744	154.596.658.915	154.038.989.955	99.64	111.15
	Khách Sạn Hội An	72.802.292.569	78.000.000.000	80.008.328.123	102.57	109.90
	Khu Du Lịch Biển Hội An	63.908.059.587	72.100.000.000	69.091.260.205	95.83	108.11
	Khu Du Lịch Tam Thanh	1.880.300.588	4.496.658.915	4.939.400.27	109.85	262.69
2	Lĩnh vực Lữ Hành	28.914.341.209	31.957.799.000	31.043.775.965	97.14	107.36
3	Dịch Vụ Khác (Giặt Là)	8.659.375.601	7.200.000.000	6.658.570.885	92.48	76.89
B	Lợi Nhuận Hoạt Động	58.691.734.960	65.746.947.880	59.493.704.416	90.49	101.37
1	Lĩnh vực Kinh doanh Khách sạn	51.238.946.838	58.103.793.000	53.685.830.830	92.40	104.78
	Khách Sạn Hội An	29.704.284.129	31.188.200.000	31.277.107.622	100.29	105.29
	Khu Du Lịch Biển Hội An	22.309.730.191	26.915.593.000	22.875.522.113	84.99	102.54
	Khu Du Lịch Tam Thanh	-775.067.482	-	-466.798.905	-	60.23
2	Lĩnh Vực Lữ hành	4.882.403.065	5.606.254.880	4.455.567.096	79.47	91.26
3	Dịch vụ khác (Giặt là)	2.570.385.057	2.036.900.000	1.352.306.490	66.39	52.61
C	Lợi Nhuận Trước Thuế	13.439.078.414	19.466.131.145	15.567.053.487	79.97	115.83
D	Lợi Nhuận Sau Thuế	10.607.546.341	15.409.946.705	11.593.799.159	75.24	109.30



Trong năm qua, Chính phủ đã đẩy mạnh các chính sách phát triển du lịch đồng thời sửa đổi Luật Du lịch, góp phần tạo ra nhiều cơ hội cho các Doanh nghiệp trong ngành có cơ hội phát triển mạnh hơn; tỉnh Quảng Nam đã ban hành Nghị quyết phát triển du lịch, tập trung đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật tạo đà cho ngành du lịch phát triển, từ đó đã tác động mạnh mẽ cho sự phát triển và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngành du lịch trong tỉnh, tạo ra nhiều cơ hội mới cho các doanh nghiệp và Công ty phát triển. Tuy nhiên, Sự phát triển nhanh các cơ sở lưu trú trên địa bàn Đà Nẵng và Hội An đã tạo ra sự cạnh tranh gay gắt làm cho giá cả ngày càng tụt giảm đáng kể ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh; việc đầu tư mới các dự án đưa vào hoạt động bước đầu chưa có hiệu quả, công tác quản lý kinh doanh nguồn nhân lực chưa đáp ứng đến hiệu quả chung của Công ty.

Trước những thuận lợi, khó khăn, thách thức trên, Hội đồng Quản trị cùng Ban Điều hành xem xét các dự án tái cấu trúc Công ty để tìm ra định hướng phù hợp cho Công ty. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị luôn quan tâm, chỉ đạo Ban Lãnh đạo triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời thực hiện quản trị công ty đạt được những kết quả nhất định. Kết quả là thêm một lần nữa, khách sạn Hội An tiếp tục được Tổng Cục Du lịch và Hiệp Hội Du lịch Việt Nam bình chọn và trao giải thưởng Topten khách sạn 4 sao hàng đầu Việt Nam năm 2017. Đây là sự tôn vinh giá trị, chất lượng và tầm thương hiệu sản phẩm, động lực để Khách sạn Hội An tiếp tục phát triển bền vững.

Từ đó HĐQT Công ty nhận thấy kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2017 tương đối khá, mức độ tăng trưởng so cùng kỳ đạt cao, nhất là mảng lưu trú. Nếu không tính đến các yếu tố chi phí tăng đột biến do điều chỉnh phương pháp ghi nhận theo quy định của chính sách nhà nước, lợi nhuận toàn công ty xấp xỉ đạt bằng kế hoạch đề ra.

- Khách sạn Hội An là đơn vị duy nhất hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao (doanh thu vượt 2,57% kế hoạch, lợi nhuận hoạt động đạt 100,29% kế hoạch).
- Sau sự cố bãi biển sạt lở, tập đoàn AHS tư vấn quản lý năm 2015, Khu du lịch Biển vẫn chưa tăng được tỷ trọng bán phòng qua kênh lữ hành như kế hoạch đề ra (Kế hoạch 50% nhưng thực hiện chỉ đạt 30%).
- Trung tâm lữ hành hoạt động ngày càng kém hiệu quả do thiếu phương tiện vận chuyển. Doanh thu đạt 97% kế hoạch 2017, tăng 7,36% so cùng kỳ nhưng lãi hoạt động chỉ đạt 79,5% kế hoạch, giảm 9% so cùng kỳ.
- Cùng với chủ trương chấm dứt hoạt động kinh doanh của chi nhánh Xí nghiệp Giặt Hội An, ngay từ đầu năm, chi nhánh đã không khai thác thêm khách hàng, thu hẹp quy mô kinh doanh.
- Chi nhánh Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh tuy phấn đấu khai thác tốt doanh thu, tăng cường các chính sách khuyến mãi, quảng bá tiếp thị nên doanh thu vượt kế hoạch gần 10%, tăng 162% so cùng kỳ. Tuy nhiên, doanh thu tăng chủ yếu là doanh thu ẩm thực (vượt 41,75% kế hoạch), doanh thu phòng chỉ đạt 94% kế hoạch.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Điều hành, bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc; qua đó, Ban Điều hành đã xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện các công việc như:

Chỉ đạo và giám sát tổ chức thành công phiên họp thường niên ĐHĐCĐ Công ty năm 2017

Xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai linh hoạt và đồng bộ đến các đơn vị công tác đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh định kỳ nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, và kết quả kinh doanh.

Theo dõi và chỉ đạo triển khai công tác đầu tư mua sắm tài sản cố định và triển khai phương án tái cấu trúc hoạt động kinh doanh tại công ty theo kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành các quy định của Nhà nước.





Các Cơ hội và Thách thức

Cơ hội

- Việt Nam nói chung và Hội An nói riêng vẫn là điểm đến hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.
- Lượt khách đến Việt Nam trong năm 2018 được dự báo tiếp tục tăng nhưng chủ yếu tăng ở thị trường châu Á.
- Chính Phủ có nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh du lịch Việt Nam ngang tầm các nước trong khu vực.
- Thành phố Hội An tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nhằm chỉnh trang đô thị, giảm ùn tắc giao thông, đầu tư tuyến xe bus nội thị phục vụ du khách.
- Tỉnh Quảng Nam cũng đã thống nhất sửa chữa mở rộng cầu Phước Trạch trong năm 2018.

Định hướng thị trường

- Tập trung thêm vào thị trường Á như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản cho năm 2018. Tuy nhiên, do đặc thù tính chất ngôn ngữ của các thị trường này nên muốn đẩy mạnh việc thu hút khách du lịch tại các nước này thì các thực đơn trong nhà hàng hay tất cả các dịch vụ khác phải có ngôn ngữ của họ, kênh truyền hình thì phải có kênh truyền thông nói tiếng ngôn ngữ nước họ.
- Đẩy mạnh chính sách bán hàng cho khách đặt website và khách đặt trực tiếp qua email, điện thoại.
- Điều chỉnh cơ cấu thị phần online lên 45% và tăng lũy hành lên ít nhất 40% thị phần.





Thách thức

Về cơ sở lưu trú

Tại Hội An, số cơ sở lưu trú của toàn thành phố đã được UBND thành phố cấp chủ trương cho phép nhưng chưa hoạt động là 363 cơ sở với 5.334 phòng (**Biểu đồ 1**). Số cơ sở lưu trú và tổ hợp du lịch tại Đà Nẵng tăng nhanh trong những năm gần đây, nhất là sau sự kiện APEC diễn ra vào tháng 11/2017 vừa qua → Thu hút khách lưu trú, nhất là khách châu Á đang trên đà tăng trưởng mạnh. Chủ trương của UBND thành phố dự kiến tiếp tục đưa vào khai thác các cơ sở lưu trú, nhất là ở các vùng nông thôn như: Cẩm An, Cẩm Châu...Tuy nhiên, Công ty không thể tăng giá bán phòng hiện có, đồng thời khó giữ chân người lao động, nhất là người lao động có kinh nghiệm.

Bên cạnh đó, Doanh nghiệp lữ hành trên địa bàn Tp. Hội An tăng với tốc độ nhanh (hiện đang có 45 công ty lữ hành có chức năng lữ hành quốc tế) từ đó tạo áp lực cạnh tranh lớn cho Trung tâm Lữ Hành Hội An.

Về chính sách, quy định

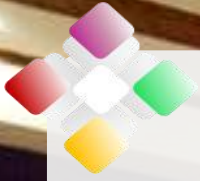
Nghị định số 141/2017/NĐ-CP về việc tăng mức tiền lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 01 năm 2018 và Điều chỉnh mức đóng BHXH theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Do vậy, Công ty đang phải chịu áp lực về chi phí nhân viên (chi phí nhân viên tăng trong điều kiện doanh thu, giá bán không tăng).

Về tình trạng bãi biển Cửa Đại

- Tháng 12/2016: UBND tỉnh, thành phố và trung ương đã vào cuộc để hạn chế sạt lở. Tuy nhiên, tình trạng sạt lở vẫn tiếp diễn, những đoạn kè mềm vừa kè xong chưa kịp tạo bãi cũng bị hủy hoại nghiêm trọng.
- Tháng 03/2017: Cát bồi lấp trở lại; Công ty đã triển khai hạng mục đổ cát, làm mái kè, tạo cảnh quang bãi tắm để phục vụ du khách với tổng số tiền 276.427.595 đồng.
- Tháng 11/2017 – nay: Bão số 12 đổ bộ, sóng biển xâm thực quá lớn, biển tiếp tục sạt lở. Biển xâm thực sâu vào đất liền và kéo dài thêm về phía Bắc.

Tái cấu trúc hoạt động

- **Xí nghiệp Giặt**
Xí nghiệp Giặt chấm dứt hoạt động từ 31/12/2017, chi phí phát sinh từ việc chấm dứt kinh doanh cũng là giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- **Khách sạn Hội An & Khu du lịch Biển**
Hợp đồng thuê Tập đoàn quản lý sẽ được ký kết → Tiến hành triển khai bước tư vấn chuyển giao kỹ thuật tại Khách sạn Hội An và Khu du lịch Biển.
- **Trung tâm Lữ hành**
Định hướng bán cổ phần từ Chi nhánh Trung tâm lữ hành vẫn chưa quyết định ☒ Ảnh hưởng đến tâm lý NLD và định hướng đầu tư, kinh doanh năm 2018.
- **Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh**
Chi nhánh Tam Thanh tiếp tục hoạt động không có hiệu quả (lỗ), ảnh hưởng đến hiệu quả chung của Công ty.



Kế hoạch Hội đồng Quản trị năm 2018

Năm 2017, tình hình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta với cấp độ sâu rộng hơn, sẽ tạo cơ hội, động lực mới để thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng cường nội lực và nâng cao sức cạnh tranh ở cả 3 cấp: quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm; Chính phủ và tỉnh Quảng Nam đã định hướng phát triển và tạo nhiều cơ chế, chính sách để phát triển ngành du lịch Việt Nam, ngành Du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2030 trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tuy nhiên, dự báo tình hình an ninh, chính trị và kinh tế thế giới vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường và sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành du lịch nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Sự phát triển hàng loạt khách sạn, resort trên địa bàn ra đời sẽ tạo ra sự cạnh tranh ngày càng diễn ra quyết liệt.

Đầu tư ngắn hạn

Tổng mức đầu tư, mua sắm dự kiến 2018 là: 5 tỷ 104.

Trong đó:

- Mua sắm công cụ dụng cụ có giá trị lớn : 248 triệu
- Mua sắm tài sản cố định : 1 tỷ 262 triệu
- Sửa chữa - nâng cấp : 1 tỷ 973 triệu
- Sửa chữa lớn theo chu kỳ : 1 tỷ 622 triệu

(Được cân đối bằng Chi phí sửa chữa lớn, chỉ phí trừ dần công cụ dụng cụ Chi phí khấu hao trong năm 2017 của các Chi nhánh).

Đầu tư Dự án mới

- Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án thuê tập đoàn quản lý trong năm tài chính 2018. Tiến hành các bước đàm phán tiến đến ký kết hợp đồng thuê quản lý.
- Triển khai lập kế hoạch đầu tư, kế hoạch nguồn ngân sách cho việc nâng cấp cơ sở hạ tầng của hai khách sạn theo đề xuất của Tập đoàn.
- Tiếp tục thực hiện các công việc nhằm hoàn tất đề án tái cấu trúc hoạt động kinh doanh tại các chi nhánh một cách thận trọng, phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- Tham gia vốn và tiến hành triển khai đầu tư xây dựng dự án Khách sạn mới tại Khu Thanh Tây theo mô hình Công ty cổ phần, Du lịch Hội An nắm giữ cổ phần chi phối.

QUẢN TRỊ CÔNG TY







Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị của công ty như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Ban	Chủ tịch
2	Vũ Hiền	Phó Chủ tịch
3	Lê Tiến Dũng	Thành viên
4	Trần Văn Tân	Thành viên
5	Ông Nguyễn Tống Sơn	Thành viên

Ông Nguyễn Văn Ban

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- ♦ 1997-2005: Công tác tại Sở Công nghiệp Quảng Nam.
- ♦ 2005-2009: Công tác tại CTCP May Trường Giang.
- ♦ 2009 – 2011: Công tác tại Sở Công thương tỉnh Quảng Nam.
- ♦ 15/02/2011 – đến nay: Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam, Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.

Ông Vũ Hiền

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hàng hải.

Quá trình công tác:

- ♦ 1998 – 2006: Giám đốc Công ty TNHH đầu tư và tài chính IPA.
- ♦ 2006 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA, thành viên HĐQT CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.



Ông Lê Tiên Dũng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán.

Chứng chỉ đào tạo Giám đốc điều hành, Chứng chỉ đào tạo Quản trị CTCP Đại chúng.

Quá trình công tác:

- ♦ 1986 - 2005: Kế toán trưởng Công ty Ấn uống Dịch vụ Hội An.
- ♦ 2005 - 01/03/2009: Phó Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
- ♦ 01/03/2009 – 11/4/2009: Quyền Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
- ♦ 11/4/2009 – Nay: Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.

Ông Trần Văn Tân

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật, Nghiên cứu sinh – Tiến sĩ Luật.

Quá trình công tác:

- ♦ Tháng 9/2001 – Tháng 8/2004: Chuyên viên Văn phòng HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam.
- ♦ Tháng 9/2004 – Tháng 12/2012: Công tác tại Văn phòng HĐND tỉnh Quảng Nam, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Quảng Nam.
- ♦ Đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An từ ngày 11/03/2015.

Ông Nguyễn Tổng Sơn

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài Chính - Kế toán.

Quá trình công tác:

- ♦ 2007 – 2008: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đầu tư IPA.
- ♦ 2008 – 2011: Giám đốc tài chính CTCP năng lượng Bắc Hà.
- ♦ 2011 – Nay: Giám đốc tài chính CTCP Tập đoàn Đầu tư IPA.

Các tiểu ban thuộc HĐQT

STT	Tên Tiểu ban	Thành viên
1	Tiểu ban Nhân sự	- Nguyễn Văn Ban - Vũ Hiền - Lê Tiến Dũng
2	Tiểu ban Đầu tư	- Nguyễn Văn Ban - Vũ Hiền - Lê Tiến Dũng
3	Tiểu ban Thị trường	- Vũ Hiền - Lê Tiến Dũng - Trần Thị Ngọc Minh (Trưởng phòng Thị trường)
4	Tiểu ban Kiểm tra - Giám sát	- Nguyễn Tổng Sơn - Đoàn Ngọc Trung - Trương Thị Thanh Hải (Trưởng phòng Nhân sự)

Hoạt động của Tiểu Ban Kiểm tra Giám sát: Phối hợp cùng với Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra thực tế việc mua bán hàng hóa, vật tư tại Công ty và các đơn vị chi nhánh từ ngày 25/10 đến ngày 27/10/2017.



Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2017. Hội đồng quản trị đã có 08 cuộc họp với sự tham dự của hầu hết các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Ban	Chủ tịch	8/8	100%	-
2	Ông Vũ Hiền	P.Chủ tịch	8/8	100%	-
3	Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên	8/8	100%	-
4	Ông Trần Văn Tân	Thành viên	7/8	87.5%	Bận công việc
5	Ông Nguyễn Tống Sơn	Thành viên	4/8	50%	Mới được bổ nhiệm
6	Ông Lê Huy Khang	Thành viên	0/4	0%	Bận công việc



Các nghị quyết và quyết định trong năm 2017 của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	03/01/2017	Nghị quyết cuối năm 2016.
2	02/2017/NQ-HĐQT	03/01/2017	Nghị quyết chốt sanh sách cổ đông đại hội đồng cổ đông năm 2017
3	08/2017/QĐ-HĐQT	20/02/2017	Quyết định chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An – Khách sạn Ven Sông Bàn Thạch.
4	09/2017/QĐ-HĐQT	06/3/2017	Quyết định ban hành quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
5	21/2017/NQ-HĐQT	22/3/2017	Nghị quyết bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
6	22/2017/NQ-HĐQT	23/3/2017	Nghị quyết về việc chốt danh sách trả cổ tức 2016
7	23/2017/QĐ-HĐQT	01/4/2017	Quyết định về việc thành lập ban quản lý dự án Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An – Khu du lịch Biển Hội An.
8	30/2017/NQ-HĐQT	24/5/2017	Nghị quyết Hội đồng quản trị phiên họp Hội đồng quản trị Quý II-2017.
9	31/2017/QĐ-HĐQT	24/5/2017	Quyết định về việc thành lập Tiểu ban Đầu tư.
10	32/2017/QĐ-HĐQT	24/5/2017	Quyết định về việc thành lập Tiểu ban Thị trường
11	33/2017/QĐ-HĐQT	24/5/2017	Quyết định về việc thành lập tiểu ban Nhân sự.
12	34/2017/QĐ-HĐQT	24/5/2017	Quyết định về việc thành lập Tiểu ban kiểm tra giám sát.
13	35/2017/QĐ-HĐQT	24/5/2017	Quyết định về việc ban hành phụ lục điều chỉnh quy chế tài chính 2016 Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An
14	36/2017/QĐ-HĐQT	06/6/2017	Quyết định v/v phê duyệt quỹ tiền lương Ban Điều hành Công ty năm 2017.
15	37/2017/QĐ-HĐQT	04/7/2017	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế dự toán công trình: Khu du lịch biển Hội An, hạng mục: Lắp đặt cửa Eurowindow 12 phòng thuộc khu 50 phòng KDLB Hội An.
16	38/2017/QĐ-HĐQT	04/7/2017	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình: Khu du lịch biển Hội An, hạng mục: Lắp đặt cửa Eurowindow 12 phòng thuộc khu 50 phòng KDLB Hội An.

17	41/2017/QĐ-HĐQT	08/8/2017	Quyết định v/v phê duyệt kết quả đấu thầu công trình: Khu du lịch biển Hội An, hạng mục: Lắp đặt cửa Eurowindow 12 phòng thuộc khu 50 phòng KDLB Hội An.
18	42/2017/NQ-HĐQT	14/8/2017	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý III/2017.
19	44/2017/QĐ-HĐQT	26/8/2017	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, công trình: Khu du lịch biển Hội An, hạng mục: Cải tạo spa
20	45/2017/QĐ-HĐQT	26/8/2017	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu, công trình: Khu du lịch biển Hội An, hạng mục: Cải tạo spa.
21	46/2017/QĐ-HĐQT	22/9/2017	Quyết định v/v cử cán bộ đi công tác nước ngoài tại Dubai.
22	47/2017/QĐ-HĐQT	27/9/2017	Quyết định v/v phê duyệt kết quả đấu thầu công trình: Khu du lịch biển Hội An, hạng mục: Lắp đặt sàn gỗ.
23	48/2017/QĐ-HĐQT	19/10/2017	Quyết định v/v tổ chức đoàn cán bộ đi khảo sát thị trường tại Hàn Quốc.
24	51/2017/NQ-HĐQT	20/11/2017	Nghị Quyết Quý IV năm 2017
25	52/2017/QĐ-HĐQT	27/11/2017	Quyết định v/v chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An - Xí nghiệp Giặt Hội An.
26	53/2017/QĐ-HĐQT	27/11/2017	Quyết định v/v phê duyệt phương án giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An - Xí nghiệp Giặt Hội An.
27	54/2017/QĐ-HĐQT	23/12/2017	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế dự toán Công trình: Khu du lịch Biển Hội An, hạng mục: Lắp đặt bổ sung vật dụng nội thất 12 phòng thuộc khu 50 phòng Khu du lịch Biển Hội An.
28	55/2017/QĐ-HĐQT	23/12/2017	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu Công trình: Khu du lịch Biển Hội An, hạng mục: Lắp đặt bổ sung vật dụng nội thất 12 phòng thuộc khu 50 phòng Khu du lịch Biển Hội An.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Không có

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty

Ông Lê Tiến Dũng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty



Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát của công ty như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Trình Thị Kim Quy	Trưởng ban Kiểm soát
2	Bà Phạm Thị Thanh Huệ	Kiểm soát viên
3	Ông Đoàn Ngọc Trung	Kiểm soát viên

Bà Trình Thị Kim Quy

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- ♦ *Tháng 2/1993 – Tháng 8/2001: Kế toán – Phó kế toán Trưởng Công ty Giao thông công chính và đô thị Tam Kỳ.*
- ♦ *Tháng 11/2009 – Tháng 9/2014: Phó Trưởng phòng Tài chính Đảng - Văn phòng tỉnh ủy Quảng Nam*
- ♦ *Tháng 10/2009 - Đến nay : Phó Chánh văn phòng tỉnh ủy Quảng Nam, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An.*

Ông Đoàn Ngọc Trung

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

- ♦ *2000-2001: Công tác tại Công ty TNHH Tiến Thịnh, Tam Kỳ, Quảng Nam*
- ♦ *2001-nay: Công tác tại Văn phòng tỉnh ủy Quảng Nam, chức vụ: Trưởng phòng Tài chính Đảng.*

Bà Phạm Thị Thanh Huệ

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, cử nhân Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- ♦ *2004-2011: Công tác tại Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và tư vấn UHY*
- ♦ *2011-2015: Công tác tại Công ty Cổ phần Mặt trời (Tập đoàn Sun Group)*
- ♦ *2015-nay: Công tác tại Tập đoàn đầu tư IPA.*



Hoạt động Ban kiểm soát

Đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các buổi họp Hội đồng quản trị được tổ chức trong năm để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị đã đề ra. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2017.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tiểu Ban Kiểm tra Giám sát và Ban Điều hành để triển khai chức năng, nhiệm vụ.
- Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát. Ban Điều hành đã chỉ đạo tổ thư ký công cấp đầy đủ thông tin khi Ban Kiểm soát yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát (nếu có)

- Phối hợp cùng với Tiểu ban Kiểm tra Giám sát thực hiện việc kiểm tra thực tế việc mua bán hàng hóa, vật tư tại Công ty và các đơn vị chi nhánh từ ngày 25/10 đến ngày 27/10/2017.





Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị	449.108.000	48.891.144		
	Ông Nguyễn Văn Ban	123.708.000	14.175.539	-	-
	Ông Vũ Hiền	82.472.000	9.450.359	-	-
	Ông Lê Tiến Dũng	82.472.000	9.450.359	-	-
	Ông Trần Văn Tân	82.472.000	9.450.359	-	-
	Ông Nguyễn Tổng Sơn	77.984.000	6.364.528	-	-
2	Ban kiểm soát	175.890.000	9.546.792		
	Bà Trình Thị Kim Quy	83.316.000	9.546.792	-	-
	Ông Đoàn Ngọc Trung	46.287.000	-	-	-
	Bà Phạm Thị Thanh Huệ	46.287.000	-	-	-
3	Ban điều hành	1.599.500.000	74.252.825		
	Ông Lê Tiến Dũng	661.800.000	32.671.243	-	-
	Ông Nguyễn Văn Cư	478.700.000	20.790.791	-	-
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	459.000.000	20.790.791	-	-

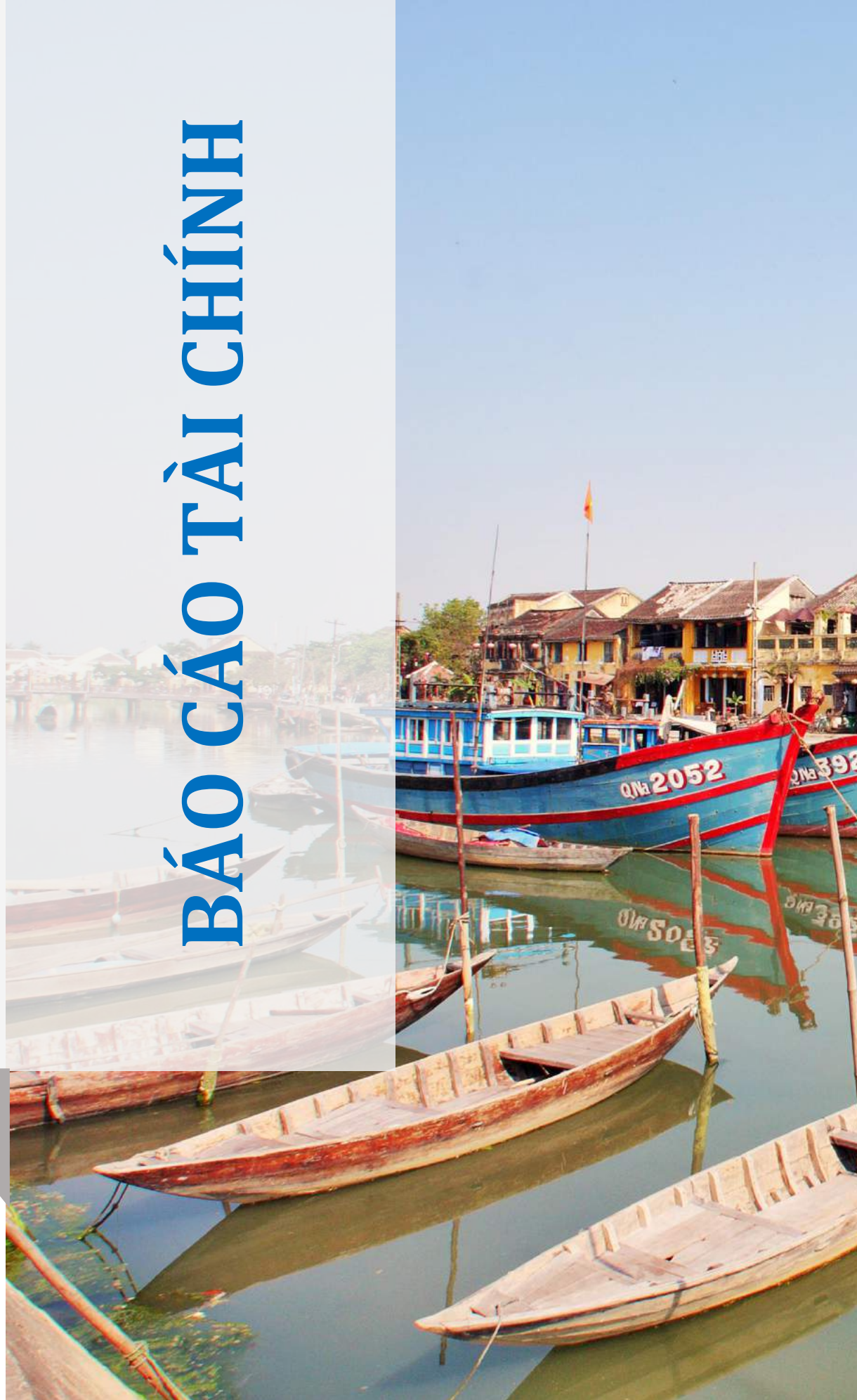
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

BÁO CÁO TÀI CHÍNH







Số: 2.0145/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2018-008-1

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0374-2018-008-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.244.033.492	21.025.431.951
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.281.002.826	5.943.360.194
1. Tiền	111		6.281.002.826	5.943.360.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.003.837.874	10.706.078.740
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.640.647.813	9.756.324.771
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		230.656.000	190.642.750
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	1.324.694.401	951.271.559
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(192.160.340)	(192.160.340)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.833.243.586	3.525.257.251
1. Hàng tồn kho	141	V.5	2.833.243.586	3.525.257.251
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.125.949.206	850.735.766
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.125.949.206	850.735.766
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		105.923.195.491	125.909.362.869
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		524.000.000	574.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.3b	524.000.000	574.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		87.634.236.030	100.693.593.377
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.7	78.961.568.351	91.311.748.841
<i>Nguyên giá</i>		222		219.966.926.194	218.489.199.206
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(141.005.357.843)	(127.177.450.365)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.8	8.672.667.679	9.381.844.536
<i>Nguyên giá</i>		228		10.771.798.998	10.771.798.998
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(2.099.131.319)	(1.389.954.462)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
<i>Nguyên giá</i>		231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240	V.9	784.181.826	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242		784.181.826	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		16.980.777.635	24.641.769.492
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.6b	16.980.777.635	24.641.769.492
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		148.167.228.983	146.934.794.820

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		36.524.091.534	36.543.003.886
I. Nợ ngắn hạn	310		28.417.605.344	29.539.446.982
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5.618.798.303	10.693.945.450
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.650.663.924	1.629.885.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	8.117.844.890	6.397.351.392
4. Phải trả người lao động	314		9.199.922.920	8.014.932.507
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		59.540.542	7.876.667
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.882.629.350	589.750.005
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	1.040.000.000	1.983.077.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	(151.794.585)	222.627.986
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.106.486.190	7.003.556.904
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	-	47.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	7.077.214.311	6.257.214.311
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.16	1.029.271.879	699.342.593
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		111.643.137.449	110.391.790.934
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.17	111.643.137.449	110.391.790.934
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		(630.000)	(630.000)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		19.949.467.125	19.684.373.428
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.694.300.324	10.708.047.506
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		100.501.165	10.708.047.506
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.593.799.159	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		148.167.228.983	146.934.794.820

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc



Lê Tiên Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		187.338.054.436	175.170.781.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		170.813.781	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	187.167.240.655	175.170.781.593
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	134.498.900.939	133.443.905.594
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.668.339.716	41.726.875.999
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	341.238.164	77.563.793
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.127.669.515	704.115.054
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.080.832.160	634.227.044
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	18.619.342.826	10.225.218.864
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	18.204.455.434	17.688.855.996
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.058.110.105	13.186.249.878
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.224.168.531	449.962.951
12. Chi phí khác	32	VI.8	715.225.149	198.134.415
13. Lợi nhuận khác	40		508.943.382	251.828.536
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.567.053.487	13.438.078.414
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.643.325.042	2.125.026.924
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	329.929.286	699.342.593
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.593.799.159	10.613.708.897
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.348	1.167
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.348	1.167

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2018



Tổng Giám đốc

Lê Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

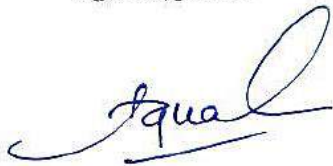
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.567.053.487	13.438.078.414
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	15.211.389.807	16.867.987.009
- Các khoản dự phòng	03 VI.6	-	7.203.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	(4.269.864)	(6.162.556)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(399.327.222)	(280.909.090)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	1.080.832.160	634.227.044
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.455.678.368	30.660.423.821
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(577.688.420)	2.573.444.357
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	692.013.665	(145.795.134)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.795.846.554)	3.402.833.490
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.385.778.417	1.740.639.357
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.029.168.285)	(656.701.846)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.12	(2.420.555.144)	(2.023.470.549)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16 V.15	19.966.000	31.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.15	(1.136.916.815)	(1.341.154.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.593.261.232	34.241.818.713
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.936.214.286)	(20.476.839.926)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	228.980.000	280.909.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	170.347.222	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.536.887.064)	(20.195.930.836)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	11.152.979.868	38.424.544.447
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(11.276.056.868)	(41.090.027.706)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.599.924.400)	(8.799.930.700)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(8.723.001.400)	(11.465.413.959)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		21.333.372.768	2.580.473.918
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.943.360.194	3.356.723.720
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.269.864	6.162.556
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	27.281.002.826	5.943.360.194

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập, ngày 02 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Dịch vụ bán vé máy bay;
- Dịch vụ giặt là.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 20 tháng 02 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 08/QĐ.HDQT, theo đó, quyết định giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khách sạn ven sông Bàn Thạch.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 52/QĐ.HDQT, theo đó, quyết định chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An – Xí nghiệp Giặt Hội An.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017, Công ty đã bàn giao lại khu du lịch bãi Bắc Cù Lao Chàm cho Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Quảng Nam phục vụ mục đích quân sự.

6. Cấu trúc của Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khách sạn Hội An	Số 10 Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khu du lịch biển Hội An	Số 01 Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An – Trung tâm Lữ hành Hội An	Số 10 Trần Hưng Đạo - TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Xí nghiệp giặt Hội An (Chấm dứt hoạt động từ ngày 27 tháng 11 năm 2017)	Số 99A Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An – Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh	Thôn Hạ Thanh - xã Tam Thanh – TP. Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An tại TP Hồ Chí Minh	Tầng 04 - Toà nhà Lâm Giang 167-173 Trần Hưng Đạo - Quận 1- TP Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An TP Hà Nội	Tầng 5, số 559 Kim Mã - Quận Ba Đình - TP. Hà Nội

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 497 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 541 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

381
H
ÔNG
NH
Đ
A

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 5 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	823.836.865	693.216.586
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.444.221.460	5.192.725.416
Tiền đang chuyển	12.944.501	57.418.192
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	21.000.000.000	
Cộng	<u>27.281.002.826</u>	<u>5.943.360.194</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>523.508.000</i>	<i>523.508.000</i>
Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam	523.508.000	523.508.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>9.117.139.813</i>	<i>9.232.816.771</i>
Công ty TNHH MTV Du lịch Trầu Việt Nam	670.010.550	821.619.550
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Sài Gòn Tourist tại Đà Nẵng	357.461.540	750.882.051
Các khách hàng khác	8.089.667.723	7.660.315.170
Cộng	<u>9.640.647.813</u>	<u>9.756.324.771</u>

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

3a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Thu đại lý vé máy bay	836.734.901		605.162.905	
Phải thu lãi tiền gửi	103.361.111			
Phải thu các khoản trợ cấp từ cơ quan BHXH	7.231.350		18.741.615	
Phải thu khoản đặt cọc thuê văn phòng	90.248.000		40.248.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	287.119.039		287.119.039	
Cộng	<u>1.324.694.401</u>		<u>951.271.559</u>	

3b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ký quỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam	500.000.000		500.000.000	
Ký quỹ, đặt cọc khác	24.000.000		74.000.000	
Cộng	<u>524.000.000</u>		<u>574.000.000</u>	

4. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn (năm)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn (năm)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Tân Đông An Phải thu tiền cung cấp dịch vụ giặt là	5	97.956.000		4	97.956.000	
Công ty Cổ phần Đất Mỹ Kế Phải thu tiền cung cấp dịch vụ phòng khách sạn	5	70.194.340		4	70.194.340	
Công ty TNHH Chia Khóa Việt Phải thu tiền cung cấp dịch vụ du lịch	4	24.010.000		3	24.010.000	
Cộng		192.160.340			192.160.340	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	192.160.340	184.957.340
Trích lập dự phòng bổ sung		7.203.000
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	192.160.340	192.160.340

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	775.895.190		1.168.133.147	
Công cụ, dụng cụ	1.387.065.507		1.673.416.713	
Hàng hóa	670.282.889		683.707.391	
Cộng	2.833.243.586		3.525.257.251	

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	454.348.045	462.658.376
Chi phí sửa chữa	435.642.942	51.805.251
Thuê văn phòng	75.775.461	
Chi phí bảo hiểm	116.375.165	133.135.481
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	43.807.593	203.136.658
Cộng	1.125.949.206	850.735.766

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	6.910.957.180	11.457.210.544
Chi phí bảo trì, sửa chữa	8.994.510.681	11.045.052.654
Chi phí thuê mặt bằng	149.666.655	175.666.659
Phí bảo hành phần mềm	81.039.997	135.066.662
Các chi phí trả trước dài hạn khác	844.603.122	1.828.772.973
Cộng	16.980.777.635	24.641.769.492

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	146.275.055.239	43.594.209.700	22.652.574.391	5.516.264.876	451.095.000	218.489.199.206
Mua trong năm		312.418.000				312.418.000
XDCB hoàn thành	820.858.660	378.435.800		640.320.000		1.839.614.460
Thanh lý, nhượng bán			(674.305.472)			(674.305.472)
Số cuối năm	147.095.913.899	44.285.063.500	21.978.268.919	6.156.584.876	451.095.000	219.966.926.194
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	18.360.920.308	23.318.238.468	7.053.407.123	3.215.872.901		51.948.438.800
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	78.556.232.350	31.048.750.244	14.076.703.593	3.473.209.428	22.554.750	127.177.450.365
Khấu hao trong năm	7.326.531.290	3.883.921.670	2.326.997.522	874.543.468	90.219.000	14.502.212.950
Thanh lý, nhượng bán			(674.305.472)			(674.305.472)
Số cuối năm	85.882.763.640	34.932.671.914	15.729.395.643	4.347.752.896	112.773.750	141.005.357.843
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	67.718.822.889	12.545.459.456	8.575.870.798	2.043.055.448	428.540.250	91.311.748.841
Số cuối năm	61.213.150.259	9.352.391.586	6.248.873.276	1.808.831.980	338.321.250	78.961.568.351
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 22.612.830,677 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.363.944.364	3.407.854.634	10.771.798.998
Số cuối năm	7.363.944.364	3.407.854.634	10.771.798.998
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		380.000.000	380.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	511.607.059	878.347.403	1.389.954.462
Khấu hao trong năm	90.283.596	618.893.261	709.176.857
Số cuối năm	601.890.655	1.497.240.664	2.099.131.319
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.852.337.305	2.529.507.231	9.381.844.536
Số cuối năm	6.762.053.709	1.910.613.970	8.672.667.679
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển phân bổ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định		640.320.000	640.320.000		
Xây dựng cơ bản dở dang		2.916.898.031	1.199.294.460	933.421.745	784.181.826
<i>Dự án Khu du lịch Biển</i>		1.379.218.748		757.764.195	621.454.553
<i>Dự án Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh</i>		1.284.739.010	1.199.294.460	85.444.550	
<i>Dự án khác</i>		252.940.273		90.213.000	162.727.273
Cộng		3.557.218.031	1.839.614.460	933.421.745	784.181.826

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Kim Châu		1.039.983.365
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Tân Phước	99.088.000	2.946.654.200
Các nhà cung cấp khác	5.519.710.303	6.707.307.885
Cộng	5.618.798.303	10.693.945.450

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là người mua trả tiền trước dịch vụ.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	365.228.846	13.455.191.263	(12.953.455.945)	866.964.164
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.494.076	560.883.140	(558.240.921)	46.136.295
Thuế thu nhập doanh nghiệp	321.026.924	3.643.325.042	(2.420.555.144)	1.543.796.822
Thuế thu nhập cá nhân	93.421.546	831.510.467	(871.082.016)	53.849.997
Thuế nhà đất		2.525.682.476	(2.525.682.476)	
Thuế nhà thầu		976.308.836	(943.391.224)	32.917.612
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.574.180.000	2.220.147.886	(2.220.147.886)	5.574.180.000
Cộng	6.397.351.392	24.213.049.110	(22.492.555.612)	8.117.844.890

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ thực hiện Tour nước ngoài là 0%, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.567.053.487	13.438.078.414
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.525.861.324	(2.812.943.794)
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.179.764.942	689.931.728
<i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	692.072.727	599.563.636
<i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i>	3.481.529.659	87.851.478
<i>Chênh lệch tỷ giá năm trước</i>	6.162.556	2.516.614
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.653.903.618)	(3.502.875.522)
<i>Chênh lệch phân bổ chi phí sửa chữa tài sản cố định và công cụ dụng cụ</i>	(1.649.646.428)	(3.496.712.966)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ</i>	(4.257.190)	(6.162.556)
Thu nhập chịu thuế	18.092.914.811	10.625.134.620
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	18.092.914.811	10.625.134.620
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	3.618.582.962	2.125.026.924
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	3.618.582.962	2.125.026.924
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	24.742.080	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.643.325.042	2.125.026.924

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích như sau:

Địa điểm	Diện tích	Đơn giá
Số 10 đường Trần Hưng Đạo, phường Minh An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	16.340,5 m ²	95.200 VND/m ² /năm
Đường Cửa Đại, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	4.767 m ²	78.540 VND/m ² /năm
Đường Âu Cơ, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	14.300,6 m ²	35.420 VND/m ² /năm
Thôn Hạ Thanh, xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ	8.246,3 m ²	5.590 VND/m ² /năm

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

13a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.000.000.000	
Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam - Cổ tức phải trả	1.000.000.000	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	882.629.350	589.750.005
Kinh phí công đoàn		119.561.873
Thuế thu nhập cá nhân thu hộ	216.445.352	208.813.544
Phải trả đại lý vé máy bay	179.255.752	62.971.291
Thù lao Hội đồng quản trị	144.850.089	75.196.744
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	342.078.157	123.206.553
Cộng	1.882.629.350	589.750.005

13b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của lái xe.

14. Vay ngắn hạn/dài hạn

14a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾		1.283.077.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14b)	1.040.000.000	700.000.000
Cộng	1.040.000.000	1.983.077.000

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 05/2016 - HĐĐA/NHCT484 - CTY CP DL DV HỘI AN ngày 07/08/2016 để thanh toán các chi phí Dự án đầu tư mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản năm 2016, hạn mức 4,3 tỷ, lãi suất 8,5%/1 năm, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>					
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.283.077.000	9.152.979.868		10.436.056.868	
Vay dài hạn đến hạn trả	700.000.000		1.040.000.000	700.000.000	1.040.000.000
Cộng	1.983.077.000	9.152.979.868	1.040.000.000	11.136.056.868	1.040.000.000

14b. Vay dài hạn

Toàn bộ số dư vay dài hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 15/2015-HĐĐA/NHCT 484 – Công ty Hội An ngày 05/08/2015, mục đích khoản vay sử dụng cho dự án đầu tư khu du lịch nghỉ mát Tam Thanh – Thành phố Tam Kỳ, hạn mức tín dụng 15.000.000.000 VND, lãi suất 10,5%/1 năm cho khoản vay phát sinh năm 2016 và lãi suất 9%/1 năm cho khoản vay phát sinh năm 2017, thời hạn vay là 120 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, toàn bộ công trình xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh (không bao gồm quyền sử dụng đất).

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.040.000.000	700.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	4.160.000.000	3.200.000.000
Trên 5 năm	2.917.214.311	3.057.214.311
Cộng	<u>8.117.214.311</u>	<u>6.957.214.311</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.257.214.311	1.880.356.800
Số tiền vay phát sinh	2.000.000.000	5.226.857.511
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(1.040.000.000)	(150.000.000)
Số tiền vay đã trả	(140.000.000)	(700.000.000)
Số cuối năm	<u>7.077.214.311</u>	<u>6.257.214.311</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do			Chi quỹ	Số cuối năm
	Số đầu năm	trích lập từ	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	(291.711.592)	445.516.947	19.966.000	533.303.815	(359.532.460)
Quỹ phúc lợi	514.339.578	297.011.297	-	603.613.000	207.737.875
Cộng	<u>222.627.986</u>	<u>742.528.244</u>	<u>19.966.000</u>	<u>1.136.916.815</u>	<u>(151.794.585)</u>

16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản phân bổ vượt khung 3 năm theo quy định của cơ quan thuế tại Thông tư 45/2013/TT-BTC và chi phí công cụ dụng cụ phân bổ vượt 3 năm theo quy định của cơ quan thuế tại Thông tư 78/2014/TT-BTC. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	699.342.593	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	329.929.286	699.342.593
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu		
Số cuối năm	<u>1.029.271.879</u>	<u>699.342.593</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>Lợi nhuận sau</u>	<u>Cộng</u>
	<u>chủ sở hữu</u>		<u>phát triển</u>	<u>thuế chưa phân</u>	
Số đầu năm trước	80.000.000.000	(630.000)	19.718.008.069	9.544.791.635	109.262.169.704
Lợi nhuận trong năm trước				10.613.708.897	10.613.708.897
Trích lập các quỹ				(650.522.326)	(650.522.326)
Sử dụng quỹ			(33.634.641)		(33.634.641)
Chia cổ tức, lợi nhuận				(8.799.930.700)	(8.799.930.700)
Số dư cuối năm trước	<u>80.000.000.000</u>	<u>(630.000)</u>	<u>19.684.373.428</u>	<u>10.708.047.506</u>	<u>110.391.790.934</u>

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	(630.000)	19.684.373.428	10.708.047.506	110.391.790.934
Lợi nhuận năm nay				11.593.799.159	11.593.799.159
Trích lập các quỹ			265.093.697	(1.007.621.941)	(742.528.244)
Chia cổ tức, lợi nhuận				(9.599.924.400)	(9.599.924.400)
Số dư cuối năm nay	<u>80.000.000.000</u>	<u>(630.000)</u>	<u>19.949.467.125</u>	<u>11.694.300.324</u>	<u>111.643.137.449</u>

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	45.202.380.000	45.202.380.000
Vốn góp của các cổ đông khác	34.797.620.000	34.797.620.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.999.937	7.999.937
- Cổ phiếu phổ thông	7.999.937	7.999.937
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	63	63
- Cổ phiếu phổ thông	63	63
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.937	7.999.937
- Cổ phiếu phổ thông	7.999.937	7.999.937
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 20/2017/NQ.ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2017 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	9.599.924.400
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	:	742.528.244
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	265.093.697

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	38.771,91	39.213,18
Euro (EUR)	1.355,00	1.400,00
Dollar Úc (AUD)	6.120,00	1.545,00
Bảng Anh (GBP)	210,00	450,00
Yên Nhật (JPY)	51.000,00	1.000,00
Dollar Hồng Kông (HKD)	120,00	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	187.338.054.436	175.170.781.593
Doanh thu dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn	147.512.092.481	135.066.491.509
Doanh thu dịch vụ Lữ hành Du lịch	29.602.866.806	28.218.077.501
Doanh thu Giặt là	6.658.570.885	8.659.375.601
Doanh thu Spa	2.343.856.932	2.135.380.490
Doanh thu khác	1.220.667.332	1.091.456.492
Các khoản giảm trừ doanh thu	170.813.781	
Chiết khấu thương mại	170.813.781	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	187.167.240.655	175.170.781.593
Doanh thu dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn	147.341.278.700	135.066.491.509
Doanh thu dịch vụ lữ hành du lịch	29.602.866.806	28.218.077.501
Doanh thu giặt là	6.658.570.885	8.659.375.601
Doanh thu Spa	2.343.856.932	2.135.380.490
Doanh thu khác	1.220.667.332	1.091.456.492

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác ngoài Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam. Giao dịch phát sinh trong năm với Văn Phòng Tỉnh ủy Quảng Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp dịch vụ lưu trú	153.766.393	637.960.455
Cung cấp dịch vụ lữ hành	7.636.364	

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn	100.502.727.416	100.580.367.043
Giá vốn dịch vụ Lữ hành Du lịch	25.840.980.095	24.077.024.340
Giá vốn Giặt là	6.289.614.187	7.029.735.393
Giá vốn Spa	1.865.579.241	1.756.778.818
Cộng	134.498.900.939	133.443.905.594

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	55.573.031	21.243.839
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	170.347.222	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	111.060.721	50.157.398
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.257.190	6.162.556
Cộng	341.238.164	77.563.793

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.080.832.160	634.227.044
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	46.837.355	69.888.010
Cộng	<u>1.127.669.515</u>	<u>704.115.054</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.022.930.373	3.082.470.713
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	283.680.424	579.040.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.552.417.370	6.364.953.996
Các chi phí khác	3.760.314.659	198.753.960
Cộng	<u>18.619.342.826</u>	<u>10.225.218.864</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.313.499.859	11.285.608.370
Chi phí vật liệu quản lý	631.200.979	568.688.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	609.882.702	495.644.975
Phí lệ phí phải nộp nhà nước	10.000.000	10.500.000
Chi phí dự phòng		7.203.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.638.081.877	4.289.448.465
Các chi phí khác	1.001.790.017	1.031.762.568
Cộng	<u>18.204.455.434</u>	<u>17.688.855.996</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	228.980.000	280.909.090
Lãi thanh lý công cụ dụng cụ, hàng hóa	191.773.636	55.228.748
Thu đền bù Bãi Bắc Cù Lao Chàm	742.462.727	
Phạt vi phạm hợp đồng		50.620.000
Các khoản khác	60.952.168	63.205.113
Cộng	<u>1.224.168.531</u>	<u>449.962.951</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý công cụ dụng cụ	59.082.441	
Chi phí cải tạo và công cụ Bãi Bắc Cù Lao Chàm	408.332.197	
Chi phí tư vấn Nhà khách tỉnh ủy	136.200.000	
Hàng hóa hết hạn sử dụng	29.136.582	46.317.395
Các khoản khác	82.453.662	151.817.020
Cộng	<u>715.225.149</u>	<u>198.134.415</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	329.929.286	699.342.593

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.593.799.159	10.613.708.897
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(811.565.941)	(742.959.623)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.782.233.218	9.870.749.274
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.999.937	7.999.937
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.348</u>	<u>1.234</u>

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 tạm tính bằng 7% trên lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo tờ trình 14/TT.HĐQT ngày 03 tháng 3 năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 thay đổi từ 1.167 VND lên 1.234 VND, do xác định lại các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.948.474.409	35.338.774.204
Chi phí nhân công	56.465.071.269	56.152.235.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.211.389.807	16.867.987.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.697.957.070	38.963.529.257
Chi phí khác	9.999.806.644	14.035.454.848
Cộng	<u>171.322.699.199</u>	<u>161.357.980.454</u>



VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp	2.204.030.825	2.346.660.233

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1, Công ty chỉ phát sinh giao dịch thuê Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct tư vấn tái cấu trúc mô hình tổ chức Công ty, số tiền 282.970.000 VND (năm trước: không phát sinh).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Kinh doanh dịch vụ lễ hành.
- Kinh doanh dịch vụ giặt là, spa và dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Nhà hàng, khách sạn	Lữ hành	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	147.341.278.700	29.602.866.806	10.223.095.149		187.167.240.655
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.962.373.209	1.440.909.159		(4.403.282.368)	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.303.651.909	31.043.775.965	10.223.095.149	(4.403.282.368)	187.167.240.655
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	47.572.719.525	3.761.886.711	2.067.901.721	(734.168.241)	52.668.339.716
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(36.823.798.260)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					15.844.541.456
Doanh thu hoạt động tài chính	106.815.347	1.185.175	233.237.642		341.238.164
Chi phí tài chính	(42.379.762)	-	(1.085.289.753)		(1.127.669.515)
Thu nhập khác	202.344.321	750.065.434	271.758.776		1.224.168.531
Chi phí khác	(32.541.519)	(450.587.352)	(232.096.278)		(715.225.149)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.643.325.042)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(329.929.286)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					11.593.799.159
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.979.558.058	131.022.637	1.031.309.036		7.141.889.731
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	22.529.695.019	2.354.011.206	2.310.452.112		27.194.158.337
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	135.066.491.509	28.218.077.501	11.886.212.583		175.170.781.593
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	4.697.613.433	696.263.708		(5.393.877.141)	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.764.104.942	28.914.341.209	11.886.212.583	(5.393.877.141)	175.170.781.593
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.534.876.173	4.141.053.161	3.099.698.372	(1.048.751.707)	41.726.875.999
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(27.914.074.860)

	Nhà hàng, khách sạn	Lữ hành	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					13.812.801.139
Doanh thu hoạt động tài chính	53.754.279	1.090.674	22.718.840		77.563.793
Chi phí tài chính	(66.660.075)		(637.454.979)		(704.115.054)
Thu nhập khác	102.303.168	605.976	347.053.807		449.962.951
Chi phí khác	(77.658.330)	(647.415)	(119.828.670)		(198.134.415)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.125.026.924)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(699.342.593)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.613.708.897
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	31.498.845.886	2.736.030.360	764.401.210		34.999.277.456
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	26.412.404.045	2.106.304.252	1.740.614.730		30.259.323.027

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Nhà hàng, khách sạn	Lữ hành	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	93.627.652.898	10.722.844.769	5.815.649.043		110.166.146.709
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					38.001.082.274
Tổng tài sản	93.627.652.898	10.722.844.769	5.815.649.043		148.167.228.983
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	11.981.640.429	2.008.901.335	635.974.818		14.626.516.582
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					21.897.574.952
Tổng nợ phải trả	11.981.640.429	2.008.901.335	635.974.818		36.524.091.534
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	111.910.405.267	13.716.512.122	13.030.815.018		138.657.732.407
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					8.277.062.413
Tổng tài sản	111.910.405.267	13.716.512.122	13.030.815.018		146.934.794.820
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	9.724.296.204	1.361.481.243	932.190.378		12.017.967.825
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					24.525.036.061
Tổng nợ phải trả	9.724.296.204	1.361.481.243	932.190.378		36.543.003.886

TRƯỞNG
NH
TỶ
TỔNG
TỔNG
C
MÔI
TR.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội An, ngày 02 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan



Lê Tiến Dũng



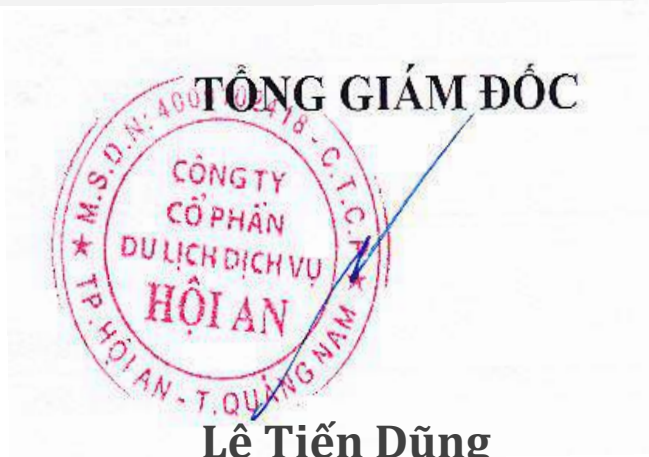


HOI AN

TOURIST HOLDING COMPANY



Chữ ký Người Đại diện Pháp luật



Lê Tiến Dũng

